

## **GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT TỔNG KẾT DỰ ÁN**

### **HÒA NHẬP XÃ HỘI NHỮNG NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN TẠI HUYỆN PHONG ĐIỀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ 2006 - 2009**



**Hai tác giả:**

**Nguyễn Xuân Phong, thạc sĩ Jiří Kocourek**

**Tổ chức thực hiện:**

**Thạc sĩ Jiří Kocourek – xã hội học ứng dụng**

**Praha, tháng 12 năm 2009**

# 1. NỘI DUNG

<b>1. NỘI DUNG</b> .....	<b>2</b>
<b>2. LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	<b>3</b>
<b>3. BỐI CẢNH DỰ ÁN</b> .....	<b>6</b>
3.1 Căn cứ hình thành dự án .....	6
3.2 Căn cứ vào tình hình địa phương xã Phong Mỹ năm 2006 .....	7
3.2.1 Đặc điểm tự nhiên .....	8
3.2.2 Đặc điểm kinh tế - xã hội .....	9
3.2.3 Các dự án xã hội tại địa phương và công tác xã hội trong năm 2007 .....	14
<b>4. TÓM TẮT DỰ ÁN</b> .....	<b>18</b>
4.1 Tóm tắt các kết quả chính .....	20
4.2 Phương pháp nghiên cứu .....	20
4.3 Các mục tiêu và kết quả dự án .....	23
4.3.1 Các hợp phần và mục tiêu của dự án .....	23
4.3.2 Khung nội dung và kết quả của dự án .....	25
4.3.3 Các kết quả đạt được .....	29
4.3.4 Đánh giá kết quả dự án .....	48
4.3.5 Kết luận .....	50
4.3.6 Danh sách kết quả .....	52
<b>5 TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>56</b>
<b>6 TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	<b>60</b>

## 2. LỜI MỞ ĐẦU

Một người phóng viên đã hỏi tôi khi chuẩn bị viết bài về dự án hợp tác phát triển quốc tế của tôi như sau: Dự án của ông đã đạt được tất cả mục tiêu của ông không? Tôi rất thích trả lời câu hỏi ngay trong lời mở đầu của bài này vì câu hỏi này không có cách trả lời đơn giản. Khi thực hiện dự án hợp tác tại nước ngoài đôi khi người thực hiện dự án nhận ra rằng mục tiêu của những người đối tượng khác với mục tiêu của dự án, không hợp với tình hình chính trị dự án thực hiện, không hoàn toàn đúng với những chờ đợi của tổ chức tài trợ. Hơn nữa hai văn hoá khác nhau gặp nhau để hợp tác thì không cứ dự án nhỏ hay lớn thì cũng gặp khó khăn để có thể hiểu nhau về nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa. Tất nhiên, người thực hiện cũng phải quan tâm đến vùng cụ thể của dự án. Tất cả các nước và tất nhiên cả Việt Nam cũng có nhiều vùng khác nhau về tính chất, văn hoá và mức độ phát triển của mình. Có khi mặc dù cả hai bên đã cố gắng hết sức thì cũng khó tìm cách giải quyết cho phù hợp với cả hai bên. Trong khi đó chỉ có một cách, một “phương pháp” để cải thiện những sự hiểu nhầm lẫn nhau là thông cảm, lắng nghe, trao đổi, thay đổi và cùng thực hiện. Nếu không thì dự án không bao giờ đạt được kết quả và kết quả rất khó bền vững được.

Về các mục tiêu chính thức thì dự án đã hoàn thành tất cả các mục tiêu đã được đề ra. Xây lớp học cho trẻ em, nhà trồng nấm, thực hiện công tác xã hội tại địa phương, mua trang thiết bị cho trạm y tế, lập nhóm tự lực, đào tạo v.v. Nhưng để đánh giá thực tế thì phải đặt thêm các câu hỏi như sau:

- Mục đích của những đối tượng đã làm ở trong dự án là để làm ra tiền tạm thời hay là để phát triển địa phương, quê hương của mình – có khi những đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn và điều kiện thực tế của họ không cho họ nghĩ về tương lai để có thể phát triển nhiều được
- dự án đã giúp cho những đối tượng của mình có được cơ hội đúng đắn hay không – họ bắt đầu thích làm tiếp không
- dự án có được họ tôn trọng không bằng chứng là họ sẽ đánh giá công việc của dự án như thế nào để tự họ tiếp tục hoạt động được sau khi dự án rút đi?
- dự án đã xây dựng những hoạt động mà trong tương lai vẫn hiệu quả và phù hợp với địa phương đó không
- Sự giúp đỡ là cái gì khi thực hiện dự án thì nhiều lần phải yêu cầu những đối tượng làm nhiều công việc mới mà họ chưa từng làm và người đó nhiều lần cảm thấy chưa thực sự cần thiết có thể có nhiều nguyên nhân do nghèo đói và

bản chất nông thôn của họ, vì chưa hiểu rằng địa phương mình cũng sắp phát triển và trở thành hiện đại hơn.

Không có ai đoán trước được tương lai nên cũng không đoán hướng phát triển được vì vậy cả hai bên phải tham gia thực hiện để cả hai cùng chịu trách nhiệm vì điều đó. Vì người quản lý nước ngoài tới trong thời gian ngắn rồi lại về nước. Bên Việt Nam nếu thích thì có thể sử dụng cơ hội này. Bên nhận trợ giúp nên có khả năng tiếp nhận những dự án chứ không phải chỉ tiếp nhận tiền vì cái đó đơn giản hơn rất nhiều so với việc tiếp nhận trách nhiệm và hoạt động hiệu quả. Khi nói như vậy thì phải lưu ý rằng hiệu quả không được đo bằng cách tính phần trăm của ngân sách



quản lý và thực hiện. Hiệu quả có ý nghĩa là chất lượng, bền vững, có trách nhiệm, có kiến thức và có niềm đam mê. Người xưa, kể cả những nhà sư đã nói rằng không hiểu mình thì không hiểu cái khác được. Câu nói đó liên quan nhiều tới vấn đề thực hiện dự án. Người mà không biết mình cần cái gì thì không kể giàu hay nghèo thì cũng không tiếp nhận trợ giúp được. Người không biết mình thì cũng không thực hiện dự án hiệu quả được vì sẽ không hiểu những đối tượng khác được.

Vì vậy, tôi xin phép trả lời câu hỏi của phóng viên như sau: Nếu như mà những người đối tượng mặc dù nghèo đã có thông cảm cho tôi được, nếu mà họ bắt đầu hiểu mục tiêu của dự án được thì là bước đầu tiên mà làm tôi cảm thấy thoải mái. Bước thứ hai là họ không bỏ hoạt động của mình sau khi tôi về nước và những cơ quan chính quyền sẽ giúp cho họ giữ gìn những kết quả đó. Bước thứ ba theo tôi quan trọng nhất là sau hai năm đa số đối tượng của dự án sẽ nhận ra cuộc đời của mình đã có ít nhất một sự thay đổi mà làm họ hài lòng. Vì vậy, thực hiện dự án xong thì sau hai, ba năm mới trả lời được câu hỏi này.

Tôi chúc tất cả mọi người đọc bài kết quả tóm tắt này để trong đời của mình cũng biết tìm được cái gì đó sau mỗi hai, ba năm. Như vậy, bất kể cái gì không thay đổi theo thực tế thì

sẽ gặp nhiều khó khăn. Do vậy mới có nhiều sự khác nhau giữa người với người và chính vì thế mới có sự gặp gỡ và giao tiếp với nhau thì cuộc sống mới trở nên thú vị và vui vẻ. Chỉ khi biết khó khăn thì mới biết được hạnh phúc là cái gì sau khi khó khăn qua đi. Đối với bức tranh như sau tôi chúc tất cả người đọc trong cuộc sống có sức khỏe và có cơ hội gặp nhiều người hiểu và thông cảm xung quanh mình.

Mời quý vị đọc bài giới thiệu dự án của chúng tôi.

### 3. BỐI CẢNH DỰ ÁN

Dự án “Hòa nhập xã hội những người gặp khó khăn huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế” (tiếp ở dưới gọi tắt là dự án ) là dự án hợp tác song phương trong khuôn khổ hai nước Việt Nam và Cộng Hòa Séc. Dự án được ủy quyền cho đơn vị Mgr. Jiri Kocourek – Xã hội học ứng dụng thực hiện với mục đích hòa nhập xã hội của người khuyết tật tại xã và giúp đỡ, giải quyết vấn đề kinh tế và xã hội của xã Phong Mỹ bị ảnh hưởng trong thời gian chiến tranh do dioxin của chất độc da cam . Thời gian thực hiện của dự án từ 2006 – 2009. Hoạt động của dự án bao gồm hai mảng chính đó là nghiên cứu, công tác xã hội và phát triển cơ hội nghề nghiệp cho người khuyết tật, người gặp khó khăn, đào tạo công đồng và đ ào tạo trẻ em khuyết tật, hợp tác với trạm y tế xã và mua trang thiết bị y tế.

#### 3.1 Căn cứ hình thành dự án

Căn cứ Nghị định 131/2006/MĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

Căn cứ công văn số 6031/BKH-KTĐN ngày 21 tháng 8 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trình duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật “Hòa nhập xã hội những người gặp khó khăn tại huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ công văn số 1321/TTg-QHQT ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt danh mục dự án “Hòa nhập xã hội những người gặp khó khăn tại huyện Phong Điền, TT-Huế do Séc tài trợ;

Mục tiêu về chiến lược xóa đói, giảm nghèo của Chính phủ Việt Nam và của địa phương trong giai đoạn 2006-2010 (Bao gồm xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, cải thiện tình hình sức khỏe các bà mẹ và tính bền vững của môi trường)

Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2010 của Tỉnh TT-Huế và Huyện Phong Điền.

Những nguyên tắc của phát triển hợp tác quốc tế và của Cộng Hòa Séc, đặc biệt trên các lĩnh vực ưu tiên: Giáo dục, phát triển bền vững, phát triển nông thôn, giảm nghèo và phục hồi hậu quả chất độc da cam.

### **3.2 Căn cứ vào tình hình địa phương xã Phong Mỹ năm 2006**

Huyện Phong Điền nằm về phía Bắc của Tỉnh Thừa Thiên-Huế, cách thành phố Huế 30km. Phía Tây, Tây Bắc giáp huyện Hải Lăng (Tỉnh Quảng Trị); phía Đông giáp biển Đông; Phía Nam giáp huyện A Lưới và phía Đông Nam giáp huyện Quảng Điền.

Toàn huyện có diện tích tự nhiên 95.375 ha, dân số 101.425 người, chia thành 15 xã và 1 thị trấn. Là một huyện có hơn 91% dân số lao động bằng nông nghiệp, cơ sở hạ tầng tuy được quan tâm đầu tư, song vẫn chưa đáp ứng được cho nhu cầu, vì vậy, sản xuất và đời sống vẫn còn nhiều khó khăn.

Mặt khác, trong những năm chiến tranh, Phong Điền là một trong những địa phương bị tàn phá nặng nề, đến nay, sau hơn 32 năm hòa bình, hậu quả chiến tranh vẫn còn ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế, xã hội của nhân dân trong vùng, nhất là ở một số vùng bị ảnh hưởng chất độc do quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh đang tiếp tục tác động đến môi trường và những người dân bị nhiễm chất độc dioxin (trực tiếp và gián tiếp) bị khuyết tật nặng, không có khả năng (hoặc khó) tham gia vào các hoạt động trong xã hội, vì vậy đời sống của người dân đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Trong lịch sử xã nằm trong hoàn cảnh xa xôi và không có điều kiện thuận lợi để đến trung tâm lớn, không có đường giao thông tốt để liên hệ với những địa phương khác. Người dân ở đây vẫn theo phong tục xã hội truyền thống mà không có khả năng phát triển nhiều, tự lập, sáng tạo những cơ hội đời sống mới. Xã đã thuộc về tỉnh Bình Trị Thiên và là tỉnh nông thôn, miền núi, nghèo biên giới giữa hai miền Việt Nam (miền Bắc và miền Trung) đã bị ảnh hưởng nhiều bởi các cuộc chiến với phương Bắc và chịu sự đô hộ của Pháp.

Xã Phong Mỹ nằm cách trung tâm huyện lỵ Phong Điền 15km về phía Tây- Tây Bắc, nằm sát dãy núi Trường Sơn. Toàn xã có diện tích tự nhiên 39.400 ha, dân số 5133 người (bao gồm có 5 dân tộc cùng chung sống: Kinh, Tà Ôi, Ka Tu, Pa Hy và Vân Kiều).

Xã Phong Mỹ bao gồm tám thôn (Phong Thu, Hưng Thái, Huỳnh Trúc, Lưu Hiền Hòa, Tân Mỹ, Hoà Bắc, Đông Thái, Phước Thọ và hai bản Khe Trăn, Hạ Long). Các thôn này có những đặc điểm khác nhau rất lớn bởi sự khác biệt về địa lý cũng như các hoạt động kinh tế và sinh hoạt. Sự khác biệt đó được thể hiện rõ ràng hơn giữa các thôn của người kinh và người dân tộc.

### 3.2.1 Đặc điểm tự nhiên

#### 3.2.1.1. Đặc điểm khí hậu

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa: nóng, ẩm, mưa nhiều. Có 4 mùa không rõ rệt: mùa xuân bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 4, mùa hè bắt đầu từ tháng 5 đến đầu tháng 9, mùa thu bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 11, mùa đông từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau.

a. Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình trong năm  $24,2^{\circ}\text{C}$ .

Tháng có nhiệt độ cao : Tháng 6 và tháng 7, nhiệt độ từ  $36-41^{\circ}\text{C}$ ;

Tháng có nhiệt độ thấp: Tháng 12 và tháng 1, nhiệt độ từ  $12-17^{\circ}\text{C}$ .

Biên độ nhiệt trung bình trong ngày là  $7,1^{\circ}\text{C}$ , tháng có biên độ dao động lớn là tháng 7 ( $9,1^{\circ}\text{C}$ ).

b. Chế độ gió: Có các loại gió chính hoạt động trong vùng như sau:

- Gió mùa Đông Bắc : Thổi theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, mang theo khí lạnh và mưa, hoạt động từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau;

- Gió Tây Nam (gió phơn): Thổi từ hướng Tây Nam tới, cường độ gió và tính chất khô nóng tuy có giảm so với vùng Quảng Trị nhưng cũng khá khắc nghiệt, thời gian hoạt động từ tháng 5 đến tháng 7 hàng năm.

Ngoài ra còn có gió Đông Nam thổi từ biển vào, gió này mang theo hơi nước mát mẻ.

c. Bão và lũ lụt: Tần suất xuất hiện bão từ 0,7-1,2 cơn/năm. Lũ lụt ảnh hưởng không đáng kể.



Bức ảnh: Hai mặt lũ lụt



d. Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình  $2400\text{mm/năm}$ .



Mùa mưa từ tháng 10 đến hết tháng 1 năm sau, chiếm 78% lượng mưa cả năm. Hai tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 10 và tháng 11, lượng mưa trung bình từ 600-800mm/tháng.

Mùa khô bao gồm các tháng còn lại, chiếm 22% lượng mưa cả năm. Các tháng mưa ít là tháng 7, tháng 8; lượng mưa bình quân 50-60mm/tháng.

e. Chế độ nắng: Số giờ nắng trung bình 1900 giờ/năm. Thời kỳ nắng nhiều từ tháng 4 đến tháng 9.

f. Độ ẩm không khí : Độ ẩm tuyệt đối trung bình năm 27,1mb; độ ẩm tương đối trung bình 85%/năm .

Những hoàn cảnh này gây ra nhiều khó khăn trong đời sống cũng như các hoạt động sản xuất của người dân và đây cũng là những khó khăn chung của người dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **3.2.1.3. Đất đai và thủy văn**

Chủ yếu là đất được hình thành và phát triển trên đá mẹ là đá phiến và đá vôi, thành phần dinh dưỡng trong đất ở mức trung bình, ngoài ra có đất phù sa cổ ven sông suối và một ít đất phù sa được bồi hàng năm.

Nước mặt dồi dào, gồm sông Ô Lâu và các khe suối trong vùng, nước từ thủy lợi Quao là nguồn cung cấp nước cho sản xuất và đời sống.

## **3.2.2 Đặc điểm kinh tế - xã hội**

### **3.2.2.1. Đặc điểm về cơ sở hạ tầng**

Tuy là xã thuộc vùng đồi núi, song với thế mạnh và được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và các nguồn lực huy động khác, hạ tầng cơ sở cho sản xuất và đời sống đang được đầu tư từng bước, đáp ứng cơ bản nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

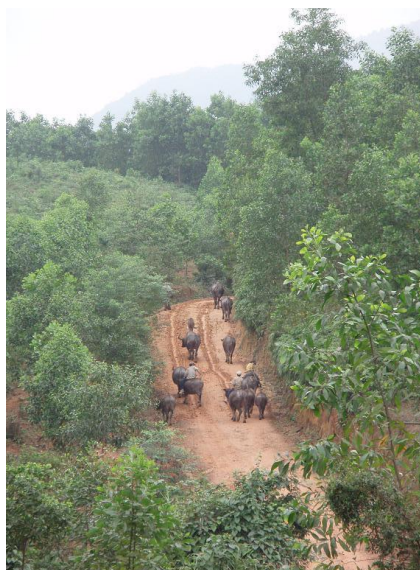
- Về Hệ thống điện: 100% thôn trong xã có điện lưới, 92% dân số sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt, riêng khu vực vùng đang quy hoạch dân cư Bắc Ô Lâu hiện đang được đầu tư thành khu dân cư tập trung của đồng bào tái định cư.

- Hệ thống đường giao thông: Có tuyến tỉnh lộ 17 và tỉnh lộ 6 đi từ trung tâm huyện lỵ lên đến trung tâm xã; các hệ thống đường giao thông liên thôn, liên xã chủ yếu là đường đất, đường mòn, một phần đang từng bước được bê tông hóa.

- Trường học: Trên địa bàn có trường THCS và các trường tiểu học, hàng năm tuy được sửa chữa, nâng cấp, song các trường được xây dựng từ lâu, đến nay đã xuống cấp, chưa có cơ sở đào tạo cho người khuyết tật.

- Hệ thống y tế cơ sở: Tại trung tâm xã có Trạm y tế được xây dựng khá khang trang, đội ngũ Bác sỹ, y tá đảm bảo chuẩn theo quy định, tuy nhiên thiết bị y tế chưa đảm bảo cho các hoạt động sơ cứu, cấp cứu trước khi chuyển lên tuyến trên; hệ thống y tế thôn, bản thường xuyên được tập huấn nâng cao kiến thức, nhưng vẫn còn bị hạn chế.

- Hệ thống nước sinh hoạt: Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 53,2%. Nguồn nước sử dụng chủ yếu nước tự chảy, nước giếng, nước sông suối. Hiện trên địa bàn có hệ thống nước được dự án nông nghiệp của trường đại học Praha hỗ trợ đang cung cấp nước cho hầu hết các thôn Tân Mỹ, Lưu Hiền Hòa, Đông Thái, bản Hạ Long, ...



Bức ảnh : Vùng chân miền núi xã Phong Mỹ

### 3.2.2.2. Dân số và thu nhập, xã hội

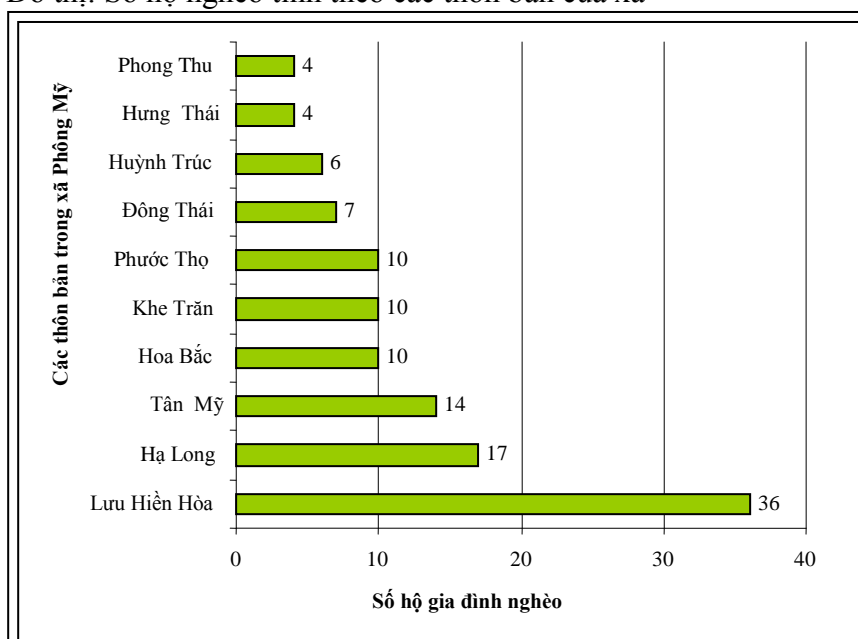
Toàn xã có hơn 1153 hộ với tổng số dân là 5133 người (báo cáo xã Phong Mỹ 2006, trong đó là 2574 phụ nữ), và đã có 150 người bị khuyết tật theo danh sách chính thức của xã năm 2006. Số này đã thay đổi sau khi dự án đã nghiên cứu tại địa phương. Số người khuyết tật đã tăng lên hai lần tới 330 người. Tỷ lệ tăng dân số theo UBND xã 2005 là 1,18% trong một năm. Tỷ lệ chết 0,75%. Khoảng 20 phần trăm người dân sống trong điều kiện nghèo.

Thu nhập chính của bà con là từ sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, lạc...), nghề rừng, chăn nuôi gia súc, trồng cao su, ... Hầu hết thu nhập của bà con rất thấp, đời sống còn khó khăn. Một bộ phận người dân có diện tích đất trồng cao su lớn hiện đang cho thu nhập cao nhưng bộ phận này chiếm số lượng ít tại địa phương.



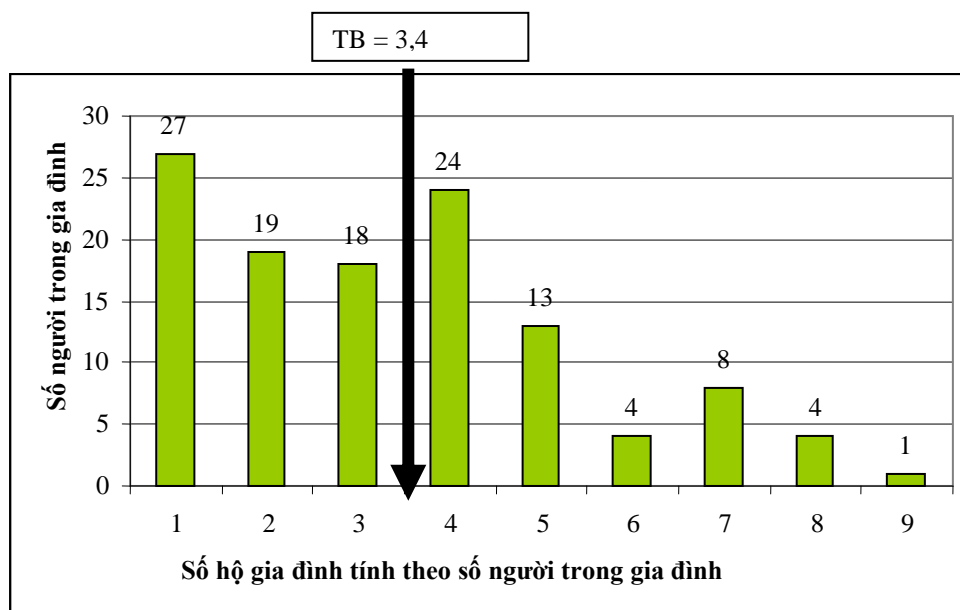
Bức ảnh: Trồng hạt tiêu và cao su

Đồ thị: Số hộ nghèo tính theo các thôn bản của xã

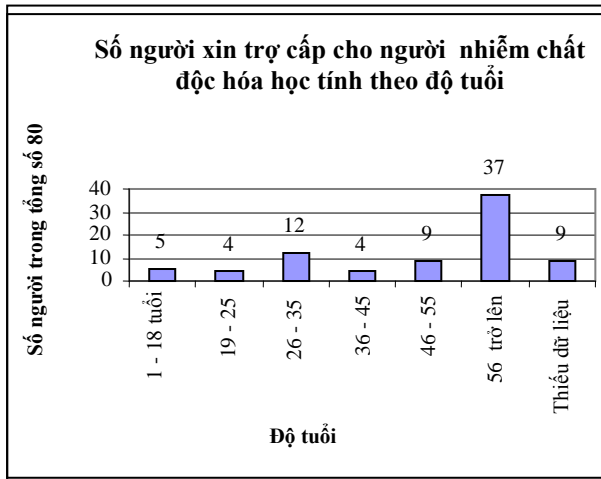


Nguồn: UBND xã 2006, Phòng lao động, thương binh và xã hội: Võ Hùng.

Đồ thị: Số hộ nghèo tính theo số thành viên gia đình



Bác sĩ tổ chức đối tác, Ngô Văn Trung, ngày 27 tháng 5 năm 2006 đã điều tra ho àn cảnh xã trước khi thực hiện dự án. Theo nguồn UBND danh sách người bị dioxin ảnh hưởng có 50 người và có 27 người đang được điều trị.



Đa số người xin trợ cấp thuộc thế hệ đã sinh sống trong thời kỳ chiến tranh.

Như đã nói ở trên, sau chiến tranh chống Mỹ đã có một làn sóng di dân khá mạnh đến địa phương. Tuy vậy, địa phương chưa bao giờ được tỉnh thực sự quan tâm. Khu vực này không phải vùng phát triển trọng điểm của vùng nên ít được quan tâm phát triển. Người dân sống tại những vùng đồi núi không được nối liền với trục đường chính Bắc-Nam. Hơn nữa tại đây có từ 3 đến 5 dân tộc khác nhau cùng sinh sống, và nhiều khi bị rào cản ngôn ngữ, văn

hóa ngăn cản việc tiếp xúc, giao lưu. Trong xã có nhiều gia đình nghèo và gia đình có người tàn tật, theo chúng tôi nhận thấy hầu hết những gia đình nghèo là những gia đình có ít nhất một người khuyết tật.

Người dân tại đây vẫn còn suy nghĩ theo cung cách từ thời Phong kiến, nhưng cũng có nhiều nét của cuộc sống hiện đại thâm nhập. Một trong những khía cạnh xã hội là việc nhận giúp đỡ và tiền bạc. Tiền bạc thường được coi là thứ không thể đạt được, nhưng khi người dân nhìn vào những người có tiền thì lại cho rằng tiền làm ra rất dễ. Một số người dân không có nhận thức về những nỗ lực phải bỏ ra để làm ra được đồng tiền, họ cho rằng họ là những người nghèo khó, bất hạnh nên xã hội phải dành sự quan tâm cho họ. Quan hệ nam nữ cũng rất khác biệt, người nam có quyền hành trong gia đình và cũng xảy ra nạn bạo lực gia đình mà phần lớn người nữ chịu thiệt thòi. Tại đây có một số người có hai vợ. Có thể nói trong xã không có quan hệ nặng tính truyền thống giữa người dân với nhau, nhưng bên ngoài thì vẫn giữ một số truyền thống “Đạo Khổng” và những nét rập khuôn khác, mặc dù chúng đã mất đi ý nghĩa ban đầu.

Trong xã cũng chưa ghi nhận được xung đột gì nghiêm trọng đến mức ảnh hưởng đến cuộc sống yên bình tại đây. Hiện tại, trên địa bàn xã có mặt nhiều đại diện của các dự án quốc tế. Khách du lịch cũng bắt đầu đến xã nhờ những đầu tư ban đầu về phát triển du lịch ở các con suối nhưng còn đang ở dạng thô sơ, đơn giản chủ yếu do một số dự án hỗ trợ trong chương trình hợp tác phát triển chứ chưa có một đơn vị khai thác du lịch thực sự nào đầu tư và địa phương. Tại địa phương cũng có một số món ăn đặc sản thể hiện đặc trưng của vùng như tương măng cũng đã tạo nên nét riêng của vùng bán sơn địa này.

Truyền thống Phật Giáo tại đây đã hầu như không còn được gìn giữ như ban đầu hoặc không tồn tại mọi gia đình hầu hết chỉ đơn thuần thờ cúng ông bà tổ tiên gần như của các gia đình phía Bắc. Khoảng 20-30 người lên Huế đi chùa 2 lần mỗi tháng. Nhưng người dân tộc thiểu số thì vẫn giữ được những truyền thống tôn giáo của họ mặc dù đã có những nét pha trộn.

Quan hệ giữa các dân tộc tại đây bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Một mặt là thái độ bài ngoại và phớt lờ, một mặt là vẫn có giao tiếp. Tuy nhiên, đa số những rào cản vẫn là rào cản ngôn ngữ, khác biệt về cách suy nghĩ, truyền thống lịch sử và phong tục tập quán của các dân tộc. Tên của những người dân tộc thiểu số thường bị viết sai cả trong các văn bản

chính thức. Người dân tộc thiểu số sống trong cả những ngôi nhà tranh cũng như nhà lắp ghép (một số gia đình người Vân Kiều sống trong nhà sàn), và họ gắn liền với núi rừng, săn bắn và hái lượm hơn. Ngoài ra, họ cũng trồng các loại cây nông nghiệp, nhất là người dân tộc Pa Hy. Tại đây cũng có một nhóm văn công người Vân Kiều và Pa Hy được thành lập và cùng biểu diễn trong các chương trình lễ hội cũng như khi có đơn vị nào đó tới địa phương yêu cầu. Đoàn văn công này cũng là đại diện của xã tham gia các chương trình liên hoan các dân tộc thiểu số trên toàn tỉnh được tổ chức.



Bức ảnh: Bản Hạ Long

### 3.2.3 Các dự án xã hội tại địa phương và công tác xã hội trong năm 2007

Tại khu vực có các tổ chức dưới đây hoạt động, chủ yếu là với mục đích phục hồi chức năng cho đất đai, bảo vệ tài nguyên rừng và người dân chịu hậu quả của chiến tranh:

- các tổ chức chính phủ nước ngoài:
  1. những dự án được thực hiện và đã kết thúc:
    - a. Tổ chức dò tìm và tháo dỡ bom mìn (Úc): Trong phạm vi tài trợ cho người nghèo và cô đơn đã tiến hành hỗ trợ kinh tế trong các năm 2004-2005 với mức hỗ trợ 700 000 đồng để mua hạt giống và con giống (bê, gà con, ngan con...). Việc nuôi trâu bò cũng được hỗ trợ bằng khoản tiền 5.000.000 đồng. Dự án kết thúc vào năm 2005.
    - b. Chương trình phát triển nông thôn (Hà Lan): giai đoạn một 2002- 2005, giai đoạn hai 2006 – 2007.
  2. các dự án dự định sẽ tiến hành: tạm thời không có dự án nào.
- các tổ chức phi chính phủ (các dự án đã được thực hiện):
  1. MAR: Đầu tư vào nông nghiệp và hạ tầng cơ sở ở vùng nông thôn
  2. ODA: Đầu tư vào hạ tầng cơ sở (xây cầu), các bãi chợ, các khu nhà công cộng v.v....

3. Tầm nhìn thế giới (Světové vize): Trợ cấp cho sản xuất, xử lý nước, chăn nuôi, xây các thiết bị giáo dục cho trẻ em (nhà trẻ,, mẫu giáo...).

4. NAP: trợ cấp đào giếng, sản xuất, chăn nuôi, các thiết bị vệ sinh dịch tễ v.v...

Trong số các dự án hiện đang được thực hiện tại xã còn có:

Dịch vụ du lịch cho cộng đồng ở Hạ Long được hỗ trợ từ dự án đầu tư MacArthur của Mỹ. Trong dự án này đã đầu tư xây dựng các con đường chạy dọc theo con suối bắt nguồn từ trên núi và quây bán đồ lưu niệm. Con đường hiện lại tiếp tục được mở rộng, một số ngôi nhà đã xây đã bị tháo dỡ. Tại ngôi nhà của Trung tâm du lịch nay đã bắt đầu bán đồ ăn nhanh, nhưng có rất ít khách. Ngôi nhà này được xây cạnh một con suối nhưng con suối này cũng không phù hợp cho việc dùng làm nơi tắm tấp bời lội. Các nhân viên của dự án cũng tìm cách hỗ trợ các nông dân cá thể. Trong vòng 2 năm trở lại đây không thấy có kết quả gì.

Tại xã cũng đã có một số dự án của Séc được thực hiện.

Adra: can thiệp khẩn cấp – xây nhà cho những gia đình mất nhà cửa sau cơn bão. Những đối tượng được hỗ trợ do ủy ban huyện lựa chọn. Adra đã xét duyệt sự lựa chọn này.

Đại học Nông nghiệp Séc: hợp tác phát triển – bổ sung thêm các loại cây trồng và vật nuôi, xây dựng vài chục mét đường mương. Dự án hiện vẫn đang tiếp tục được tiến hành.

Công ty cổ phần Dekonta và DWW (Development Worldwide): hợp tác phát triển – nghiên cứu mức độ nhiễm độc dioxin trong khu vực và các nghiên cứu khác.

DWW Mc Donalds: hợp tác phát triển.

Một dự án y tế của nước ngoài cũng đã có hoạt động tại xã, họ tiến hành kiểm tra tổng thể. Nhưng kết quả của dự án này thì chưa được biết.

Ngoài ra, tại xã còn có các chương trình hỗ trợ của nhà nước như chương trình 134, 135, các chương trình kết hợp bảo vệ rừng cộng đồng...

Công tác xã hội được tiến hành thông qua các cơ quan nhà nước, không được lên kế hoạch một cách có phương pháp và trên thực tế hầu như không làm được gì. Công tác xã hội được thực hiện bằng hình thức cung cấp các khoản trợ cấp nhỏ và giúp đỡ bằng hiện vật lấy từ nguồn của xã hoặc do một vào tổ chức, cá nhân hỗ trợ. Một số hộ gia đình (3-5 hộ) trong xã đang xây nhà mới. Một nửa số hộ phải vay tiền ngân hàng và một nửa được trả từ ngân sách nhà nước. Sự việc hẫng liên quan đến chính sách bao cấp của nhà nước từ trước năm 1986, khi tất cả sản phẩm nông nghiệp đều được nộp cho nhà nước (cho xã, huyện và tỉnh), và sau đó nhà nước lại phân phát cho người dân. Vì thế đại diện của các ủy ban cho tới nay vẫn có cảm giác là họ được quyền phân chia tài chính của người dân.

Các tổ chức hoạt động chính thức trong lĩnh vực công tác xã hội tại khu vực gồm có Hội chữ thập đỏ, các cơ sở y tế trong khu vực, Hội thương binh, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên, Tổ chức chống đói nghèo, tất cả các tổ chức này đều hoạt động chính thức tại Ủy ban nhân dân hoặc được chính thức lập ra cho từng thôn. Các tổ chức phụ trách hỗ trợ xã hội trong xã (như nói ở trên) không trực tiếp tiến hành các hoạt động hỗ trợ mà chỉ tập trung và điều chỉnh các hoạt động này.

Vì thế người dân tự mình xây nhà cho các gia đình gặp nạn, giúp đỡ họ khi phải đi viện, góp tiền mua xăng v.v... Các gia đình nghèo và người tàn tật cũng được nhận quà nhân dịp Tết, nhưng hình thức hỗ trợ này là do Ủy ban nhân dân xã hoặc các tổ chức của Hội Phật giáo phân phát. Quan hệ giữa những người dân xã Phong Mỹ có thể đánh giá là mang nặng tính chất cộng đồng, dựa trên quan điểm của dự án của chúng tôi, vì tất cả các hình thức giúp đỡ vật chất và xã hội (trừ những khoản trợ cấp nói trên) đều chỉ được áp dụng cho một số ít người dân và tại đây không có một chương trình công tác xã hội nào cả. Điều này chỉ nhấn mạnh thêm thực tế là các mục đích xã hội hầu như không được biết đến tại địa phương này. Theo thực tế chúng tôi cũng được biết một số đối tượng không tin rằng họ được hỗ trợ, giúp đỡ và sau một thời gian dài họ mới dám nhận. Ban đầu họ đều nghĩ rằng để được giúp đỡ thì có người khác sẽ đòi hỏi ở họ điều gì đó – sự tuân thủ hay một khoản tiền chẳng hạn.

Khái niệm công tác xã hội tại khu vực này chưa hề được biết đến. Ngoài những hoạt động tự giúp đỡ lẫn nhau của người dân và những khoản trợ cấp ít ỏi của nhà nước thì trong khu vực không hề có một hoạt động gì có thể kết hợp với việc thực hiện dự án cả. Tại đây cũng không hề có mặt các nhân viên xã hội. Tuy nhiên, người dân xã rất sẵn lòng ủng hộ mọi hoạt động hỗ trợ người tàn tật. Theo ủy ban xã cho biết thì từ trước tới nay tại xã chưa hề thực hiện một dự án xã hội nào cả.



Đa số các khoản trợ cấp xã hội là khoảng vài chục nghìn đồng một tháng. Những khoản trợ cấp này đủ cho người nhận trợ cấp đủ sống một thời gian ngắn, mua được chút ít gạo dự trữ... Như chúng tôi đã nói tới, khi xét các đối tượng được nhận trợ cấp thì cũng xét đến cả quan điểm chính trị của các đối tượng và việc họ có tham gia chiến đấu trước kia hay không. Một số người dân trong xã cho đến nay cũng chưa có chứng minh thư cũng như thẻ bảo hiểm y tế. Các thông tin tuyên truyền giải thích thường không đến được với người dân, hoặc không được họ chấp nhận.

Trên thực tế trong khu vực không có công tác xã hội nào được tiến hành cả, trừ một số ngoại lệ:

- những món quà của nhà thờ,
- quyên góp giúp đỡ người nghèo (Đề xây nhà, hỗ trợ sau bão lụt v.v...),
- quà tặng của xã cho những nạn nhân chịu hậu quả bão lụt, người nhận do Ủy ban xã lựa chọn,
- những giải thích nâng cao hiểu biết của các nhân viên y tế tại xã,
- hỗ trợ xây nhà mới.

Ngoài dự án của chúng tôi thì trong xã không có một tổ chức xã hội nào đặt trụ sở cả, không có chi nhánh nào của nhà thờ. Các trung tâm du lịch lân cận hiện đều không được quan tâm đến và một số trung tâm không hoạt động. Khi bắt đầu thực hiện dự án thì những đối tượng đã sợ tiếp nhận những hoạt động của dự án mặc dù họ đã rất cần thiết. Họ còn đang e ngại người khác giúp cho họ được. Họ đã nghĩ lời hứa của tổ chức không chân thành và không thực hiện được hay là tổ chức giúp họ với mục tiêu khác lạ. Những đối tượng chưa quen dùng tài liệu văn bản và đọc nội dung của nó, chưa làm quen làm thuê đều đặn. Lý do của gia đình bình thường được đánh giá cao hơn lý do xã hội. Thời gian nhàn rỗi tại địa phương này so với những nơi khác nhiều hơn.

Từ tất cả các nguyên nhân kể trên có thể khẳng định rằng đặt hoạt động xã hội trực tiếp tại địa bàn là mục đích chính của dự án là điều hoàn toàn có cơ sở. Các hoạt động này cũng sẽ nối liền một cách có hệ thống tất cả các hoạt động khác để đi đến cái đích chung là hội nhập những người bị đe dọa xã hội, cải thiện tình trạng kinh tế và xã hội của họ. Trong phần dưới đây chúng tôi sẽ giới thiệu hệ thống của những công tác xã hội được thực hiện trong xã.

## 4. TÓM TẮT DỰ ÁN

**Mã số dự án:** VN/60/06/MPSV.

**Tên dự án:** Hòa nhập xã hội những người gặp khó khăn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Tên viết tắt của dự án:**

**Ngày bắt đầu:** Ngày 01 tháng 12 năm 2006

**Ngày kết thúc:** Ngày 30 tháng 11 năm 2009

**Cơ quan chủ quản:** UBND tỉnh TT Huế

**Đơn vị thực hiện:** Mgr. Jiri Kocourek – Applied Sociology

**Đối tác chính:** UBND huyện Phong Điền, TĐH Y dược Huế, UBND xã Phong Mỹ

**Ngân sách tính bằng Dollar Mỹ**

<b>Bên tài trợ</b>	Tổng giá trị tài trợ /tổng số những năm sau/	Năm 2006 /USD/CZK - 20,745/ /VND/CZK - 1,261/	Năm 2007 /USD/CZK - 18,078/ /VND/CZK - 1,113/	Năm 2008 /USD/CZK - 19,346/ /VND/CZK - 1,066/	Năm 2009 /USD/CZK - 18,295/ /VND/CZK - 0,99/
<b>BỘ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA SÉC</b>	<b>597.378 USD</b> <b>10.504.328.082 VND</b> <b>11.252.875 CZK</b>	<b>70.479</b> <b>1.159.462.728</b> <b>1.462.083</b>	<b>149.384</b> <b>2.426.376.011</b> <b>2.700.557</b>	<b>174.681</b> <b>3.170.148.030</b> <b>3.379.378</b>	<b>202.835</b> <b>3.748.341.313</b> <b>3.710.858</b>
<b>Tổ chức thực hiện</b>	<b>5.528 USD</b> <b>114.459.426 VND</b> <b>101.858 CZK</b>	<b>657</b> <b>17.198.779</b> <b>13.639</b>	<b>4.455</b> <b>89.635.455</b> <b>80.535</b>	<b>58</b> <b>1.133.762</b> <b>1.127</b>	<b>358</b> <b>6.491.430</b> <b>6.557</b>
<b>Khác</b>	<b>273 USD</b> <b>4.950.000 VND</b> <b>5.000 CZK</b>				<b>273</b> <b>4.950.000</b> <b>5.000</b>
<b>Tổng chi phí</b>	<b>603.179 USD</b> <b>10.623.737.508 VND</b> <b>11.359.733 CZK</b>				

## **4.1 Tóm tắt các kết quả chính**

**Mục tiêu 1:** Nâng cao năng lực:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện dự án
- Nâng cao năng lực về công tác xã hội
- Nâng cao năng lực về các hoạt động của người khuyết tật ở Việt Nam

**Mục tiêu 2:** - Cải thiện tình hình kinh tế xã hội, tạo kế sinh nhai cho người khuyết tật, người nghèo, đầu tư các công trình quy mô nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống, qua đó cải thiện tình hình kinh tế xã hội chung của xã.

- Hòa nhập người khuyết tật và cải thiện dần tình hình đời sống, sản xuất, thiết lập cho họ những quan hệ gần gũi hơn và giúp họ hòa nhập vào cuộc sống chung của xã.

**Mục tiêu 3:** - Cung cấp các dịch vụ công tác xã hội tại địa phương: y tế, giáo dục, các dịch vụ xã hội khác và tạo điều kiện cho công tác xã hội tại vùng dự án được phát triển ổn định và lâu dài;

- Cung cấp trang thiết bị y tế cần thiết cho hoạt động y tế tại cơ sở;

**Mục tiêu 4:** Đào tạo trẻ em và thanh niên khuyết tật tại xã và lập lớp học cho trẻ em khuyết tật.

**Mục tiêu 5:** Hình thành được trung tâm sản xuất cho người khuyết tật và người nghèo, có chính sách hỗ trợ để phát triển ngành nghề, tăng thu nhập cho người dân.

## **4.2 Phương pháp nghiên cứu**

Để xây dựng các hoạt động của dự án đi đúng hướng với những yêu cầu của nhà đầu tư và đúng với điều kiện thực tế của người dân tại địa phương chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

### ***1. Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (PRA):***

PRA là một bộ công cụ tối ưu cho việc thu thập và phân tích thông tin. Vì PRA cũng đặt con người vào vị trí trung tâm, tạo cơ hội cho người dân đóng vai trò tích cực hơn trong các nỗ lực phát triển. Nó tập trung tạo quyền tối đa cho người dân phản ánh và suy nghĩ về vấn đề của chính họ và để cho người dân đưa ra các quyết định, các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến cộng đồng của họ trong đó công cụ chính được sử dụng là phân tích kinh tế hộ, phân loại kinh tế hộ, quan sát và phỏng vấn cá nhân. Đối với mỗi trường hợp cụ thể chúng tôi sử dụng có thể tổng hợp nhiều phương pháp khác nhau.

- Thu thập, tham khảo các tài liệu, số liệu thứ cấp: để tham khảo, đối chiếu và so sánh các thông tin, số liệu liên quan.
- Quan sát và rút kinh nghiệm từ những hoạt động can thiệp nhỏ. Một thuận lợi của cuộc nghiên cứu này là chúng tôi tiến hành nghiên cứu khi chúng tôi có khả năng kết hợp với một số hoạt động can thiệp nhỏ. Chính vì vậy, chúng tôi đã có điều kiện gần gũi với người dân, quan sát cuộc sống hàng ngày của bà con diễn ra như thế nào?
- Hợp nhóm để cùng thảo luận lựa chọn vấn đề cần ưu tiên giải quyết. Đối với từng hoạt động, để thực hiện các hoạt động có hiệu quả và thiết thực chúng tôi tiến hành họp nhóm để đưa ra các tình huống cụ thể có thể xảy ra cho người dân hiểu và họ sẽ đóng góp ý kiến của mình làm sao cho các hoạt động đó được tốt nhất.
- Lấy ý kiến đóng góp của những người am hiểu trong cộng đồng (phương pháp KIP – Key Informant Person) cũng như cùng những người am hiểu tham gia lập kế hoạch hoạt động cũng như những hỗ trợ cộng đồng

## 2. *Phương pháp phỏng vấn:*

Phỏng vấn: do trong quá trình xây dựng các công cụ trên, người ta thường phải bỏ qua một số thông tin để cố gắng hoàn thành một công cụ/bảng biểu trong một thời gian nhất định. Vì vậy phỏng vấn là cách tốt nhất nhằm thu thập thêm các thông tin để bổ sung cho các khuyết điểm của các công cụ trên. Ngoài ra, phỏng vấn giúp ta hiểu sâu hơn các trường hợp hay các vấn đề và các đối tượng cụ thể mà chúng ta đặc biệt quan tâm. Ví dụ: đối tượng trẻ em, vấn đề về nghề truyền thống, các vấn đề liên quan đến các thể chế, chính sách...

Chúng tôi sử dụng phỏng vấn ở cả 3 loại là phỏng vấn có cấu trúc, bán cấu trúc và phỏng vấn không cấu trúc.

- Đối với phỏng vấn có cấu trúc và bán cấu trúc được thực hiện trong các hoạt động khảo sát thực hiện dự án, khảo sát nhu cầu và đánh giá hoạt động.
- Đối với phỏng vấn không cấu trúc được sử dụng trong quá trình thực hiện các hoạt động về công tác xã hội để nắm bắt nhu cầu và nguyện vọng của người dân. Đối với các nhu cầu khác nhau sẽ được dựa trên hoàn cảnh cụ thể để tiến hành đánh giá mức độ ưu tiên khác nhau để giúp đỡ, hỗ trợ. Để đánh giá mức độ ưu tiên chúng tôi dùng phương pháp phân tích so sánh cặp đôi để lựa chọn yếu tố nào là ưu tiên nhất.

Những phỏng vấn của dự án chia thành một số nhóm đối tượng như sau: người dân xã, người đối tượng của dự án, người quản lý xã, người chuyên gia nhiều lĩnh vực của xã /nông nghiệp, kế toán, kinh doanh, phong tục, sản xuất/, người chuyên gia môi trường

kinh doanh tại Thừa Thiên – Huế, những chuyên gia bán và sản xuất nấm , những chuyên gia khác /đạo tạo, lịch sử, bác sĩ/...

Dự án đã tiến hành 202 phỏng vấn nghiên cứu và 350 phỏng vấn công tác xã hội và không 300 phỏng vấn chuyên gia và quản lý.

### 3. Xây dựng mô hình

Do dự án có hỗ trợ trong việc phát triển kinh tế địa phương nên việc xây dựng mô hình là rất cần thiết. Thông qua các trường hợp nghiên cứu thực tế những hoạt động sản xuất tại địa phương chúng tôi sẽ đề xuất những mô hình nào là cần thiết thực hiện và mang lại hiệu quả cho người dân.

### 4. Phân tích chuyên gia và khoa học

Trong thời gian thực hiện dự án thì được phân tích những vấn đề sau : lựa chọn trang thiết bị cho trạm y tế xã , ảnh hưởng chất đ ôc da cam tại địa phương , lựa chọn đề án lập nhà xưởng cho người khuyết tật có khả năng , cơ hội sản xuất và bán nấm tại địa phương , thực hiện công tác xã hội , thực hiện đạo tạo đặc biệt . Phân tích này được những chuyên gia Việt Nam và Cộng Hoà Séc hợp tác với nhau căn cứ thoả thuận giữa hai nước.

Vấn đề cần được quan tâm tại địa phương là làm việc trực tiếp v ới địa phương và những đối tượng, cái đó cũng có ý nghĩa là cần có người phiên dịch tốt và am hiểu về phong tục tập quán. Trong những trường hợp tổ chức thực hiện dự án phát triển mà không có khả năng hiểu rõ về địa phương thì phải gặp khó khăn lớn. Nhiều người lợi dụng cơ hội thực hiện dự án để nhằm mục đích tư lợi cá nhân.



Bức ảnh: Một số chuyên gia dự án



## **4.3 Các mục tiêu và kết quả dự án**

### **4.3.1 Các hợp phần và mục tiêu của dự án**

**Hợp phần 1:** Hỗ trợ phát triển các tổ chức cộng đồng nhằm tạo lập được môi trường để những người khuyết tật có cơ hội gần gũi và chia sẻ những kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng trong cuộc sống và là nơi chia sẻ những khó khăn riêng của các thành viên.

Thực hiện công tác xã hội trên địa bàn nhằm giúp đỡ những người khó khăn, người khuyết tật và những người thiệt thòi trong xã hội. Xây dựng các trường hợp và thực hiện các can thiệp xã hội để giúp đỡ các đối tượng trong vùng dự án.

**Hợp phần 2:** Cung cấp, hỗ trợ các trang thiết bị trong đó bao gồm trang thiết bị văn phòng cho văn phòng của dự án sau khi kết thúc sẽ bàn giao lại cho các đối tác địa phương, trang thiết bị cần thiết cho ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ. Cung cấp trang thiết bị cơ bản cho Trạm y tế nhằm nâng cao năng lực trong việc chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

**Hợp phần 3:** Thành lập lớp giáo dục đặc biệt giúp những trẻ em khuyết tật trên địa bàn được đào tạo, học tập nhằm nâng cao khả năng nhận thức cho các trẻ em và tạo lập tương lai dựa vào khả năng cố gắng của các em. Xây dựng một môi trường học tập và rèn luyện để các em có được những kỹ năng cơ bản trước khi bước vào cuộc sống tự lập.

**Hợp phần 4:** Phát triển kinh tế - xã hội: Nâng cao năng lực cho người dân trong cộng đồng kể cả những cán bộ địa phương góp phần nâng cao nhận thức trong hoạt động sản xuất và quản lý. Xây dựng cơ sở sản xuất cho người nghèo, người khuyết tật nhằm nâng cao thu nhập và làm đa dạng hóa nghề nghiệp tại địa phương dựa trên các nguồn lực sẵn có.

Với hợp phần 4 này, cơ sở sản xuất sẽ thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế và xã hội. Tại cơ sở sản xuất ngoài việc sản xuất, kinh doanh còn có trách nhiệm hỗ trợ về công tác xã hội trên địa bàn, hỗ trợ những người gặp khó khăn, người nghèo và những trẻ em khuyết tật trên địa bàn có thể học tập nghề nghiệp tại đây.

## ***Đối tác và đối tượng hưởng lợi của dự án***

Đối tác chính của dự án đó là Trường đại học Y Dược Huế, và các đối tác hỗ trợ về mặt chính trị cho dự án trong đó đối tác chính là Ủy ban nhân dân các cấp (cấp tỉnh, huyện, xã) cũng như các bộ ban ngành /Sở ngoại vụ tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND huyện Phong Điền, Ban quản lý dự án Hoà nhập xã hội những người gặp khó khăn tại huyện Phong Điền, Phòng giáo dục và đào tạo huyện Phong Điền, UBND xã Phong Mỹ/.

Những đối tác khác là

- Trạm y tế xã Phong Mỹ
- Chùa Long Thọ - Trường cho trẻ em khuyết tật tại xã Thủy Biểu
- Dự án phát triển nông thôn Phần Lan
- Charity Indonesia
- Fred Hollows
- Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật tại Huế
- Aid Children Without Parents
- Trường mầm non xã Phong Mỹ
- Hội giải hòa Cộng Hoà Séc
- Konsens
- FALON
- Maria Stopes International
- Trường Trung cấp văn hoá và nghệ thuật Huế
- Hợp tác xã Phú Lương I
- Hợp tác xã Hòa Mỹ của xã Phong Mỹ
- Hợp tác xã Tân Mỹ của xã Phong Mỹ

Những người tự nguyện : Kỹ sư Petr Sunega, sinh viên Nguyễn Thu Hà, Thạc sĩ Nguyễn Văn Giang Linh, ông Nguyễn Bảo Ngọc, luật sư Trịnh Khanh Ly.

Đối tượng hưởng lợi: đó là những người dân trong vùng dự án và những cộng tác viên và những tổ chức đối tác địa phương, những tổ chức đồng ngành nghề tại Việt Nam.



### 4.3.2 Khung nội dung và kết quả của dự án

Khung logic của Dự án đưa ra tổng quan các mối quan hệ đối với các mục tiêu tổng thể (mục đích) cũng như các mục tiêu cụ thể và các kết quả của từng mục tiêu, trình bày trong bảng dưới đây:

<b>DỰ ÁN HÒA NHẬP XÃ HỘI NHỮNG NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH TT HUẾ</b>	
<b>Mục đích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hòa nhập người khuyết tật trên địa bàn xã Phong Mỹ vào cộng đồng và</li> <li>- Cải thiện tình hình kinh tế xã hội của họ, nhờ đó tình hình chung của xã cũng được cải thiện.</li> </ul>
<b>Các mục tiêu cụ thể và kết quả</b>	
<b>Mục tiêu 1</b>	<p>Nâng cao năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện dự án</li> <li>- Nâng cao năng lực về công tác xã hội</li> <li>- Nâng cao năng lực về các hoạt động của người khuyết tật ở Việt Nam</li> </ul>
<b>Các kết quả</b>	
1.1	Nâng cao kiến thức cho các cán bộ thực hiện dự án về công tác xã hội và thực hiện các can thiệp cho đối tượng.
1.2	Tập huấn công tác xã hội i trao đổi thông tin về tình hình người khuyết tật ở Việt Nam và những chính sách dành cho người khuyết tật.
1.3	Xây dựng kỹ năng làm việc với người khuyết tật cho cán bộ xã hội và kỹ năng giao tiếp.
1.4	Tập huấn trồng nấm cho người khuyết tật.
1.5	Tập huấn nuôi gà cho người khuyết tật.
1.6	Đào tạo và thực tập cán bộ giáo viên , công tác xã hội và ph ụ huynh tại trường trẻ em khuyết tật tại Thủy Biều.
1.7	Đào tạo bác sĩ trạm xá về việc dùng máy siêu âm.
1.8	Đào tạo hai cán bộ y tá về việc phục hồi chức năng.

<b>Mục tiêu 2</b>	<p>- Cải thiện tình hình kinh tế xã hội, tạo kế sinh nhai cho người khuyết tật, người nghèo, đầu tư các công trình quy mô nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống, qua đó cải thiện tình hình kinh tế xã hội chung của xã.</p> <p>- Hòa nhập người khuyết tật và cải thiện dần tình hình đời sống, sản xuất, thiết lập cho họ những quan hệ gần gũi hơn và giúp họ hòa nhập vào cuộc sống chung của xã.</p> <p>- Hình thành được trung tâm sản xuất cho người khuyết tật và người nghèo, có chính sách hỗ trợ để phát triển ngành nghề, tăng thu nhập cho người dân.</p>																			
<b>Các kết quả</b>																				
2.1	Đào tạo kỹ thuật sản xuất cho người khuyết tật và người nghèo trên địa bàn nhằm nâng cao khả năng sản xuất cho người dân.																			
2.2	Xây dựng và thành lập cơ sở sản xuất cho người khuyết tật và người nghèo trên địa bàn																			
2.3	Đào tạo ngành nghề phù hợp với khả năng làm việc của người khuyết tật cũng như với yêu cầu của cơ sở sản xuất																			
2.4	Thiết lập hệ thống công tác xã hội bên trong cơ sở sản xuất tiếp tục hoạt động và hướng tới hoạt động bền vững																			
<b>Mục tiêu 3</b>	<p>Cung cấp các dịch vụ công tác xã hội tại địa phương: y tế, giáo dục, các dịch vụ xã hội khác và tạo điều kiện cho công tác xã hội tại vùng dự án được phát triển ổn định và lâu dài;</p> <p>Cung cấp trang thiết bị y tế cần thiết cho hoạt động y tế tại cơ sở;</p>																			
<b>Các kết quả</b>																				
3.1	Số trường hợp công tác xã hội đã tiến hành	364																		
	Số trường hợp giúp đỡ (49 trường hợp một tháng)	1273																		
	Số người khác được hỗ trợ	314																		
	Số người được khám bệnh đặc biệt	246																		
	Có trong danh sách những người tàn tật	330																		
3.2	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="472 1928 1241 1984">Kết quả đạt được</td> <td data-bbox="1241 1928 1412 1984">Số người</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 1984 1241 2018">Thực tập tại các tổ chức có liên quan ở Huế</td> <td data-bbox="1241 1984 1412 2018">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 2018 1241 2042">Thực tập tại trường dành cho người tàn tật ở Thụy Biểu</td> <td data-bbox="1241 2018 1412 2042">17</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 2042 1241 2076">Dự các buổi thuyết giảng về công tác xã hội</td> <td data-bbox="1241 2042 1412 2076">60</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 2076 1241 2110">Số học sinh của lớp học đặc biệt được lập ra</td> <td data-bbox="1241 2076 1412 2110">10</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 2110 1241 2143">Số nhân viên của trạm xá hợp tác với dự án</td> <td data-bbox="1241 2110 1412 2143">13</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 2143 1241 2177">Người được ủng hộ bằng thuyết giảng và tài trợ cho nuôi gia cầm</td> <td data-bbox="1241 2143 1412 2177">11</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 2177 1241 2210">Người được qua các buổi khám bệnh đặc biệt (trừ những đợt khám đại trà)</td> <td data-bbox="1241 2177 1412 2210">42</td> </tr> <tr> <td data-bbox="472 2210 1241 2240">Người được phẫu thuật</td> <td data-bbox="1241 2210 1412 2240">12</td> </tr> </table>	Kết quả đạt được	Số người	Thực tập tại các tổ chức có liên quan ở Huế	3	Thực tập tại trường dành cho người tàn tật ở Thụy Biểu	17	Dự các buổi thuyết giảng về công tác xã hội	60	Số học sinh của lớp học đặc biệt được lập ra	10	Số nhân viên của trạm xá hợp tác với dự án	13	Người được ủng hộ bằng thuyết giảng và tài trợ cho nuôi gia cầm	11	Người được qua các buổi khám bệnh đặc biệt (trừ những đợt khám đại trà)	42	Người được phẫu thuật	12	
Kết quả đạt được	Số người																			
Thực tập tại các tổ chức có liên quan ở Huế	3																			
Thực tập tại trường dành cho người tàn tật ở Thụy Biểu	17																			
Dự các buổi thuyết giảng về công tác xã hội	60																			
Số học sinh của lớp học đặc biệt được lập ra	10																			
Số nhân viên của trạm xá hợp tác với dự án	13																			
Người được ủng hộ bằng thuyết giảng và tài trợ cho nuôi gia cầm	11																			
Người được qua các buổi khám bệnh đặc biệt (trừ những đợt khám đại trà)	42																			
Người được phẫu thuật	12																			

	Người được giúp đỡ lấy được thẻ bảo hiểm y tế	25
	Người được phục hồi chức năng	5
	Người được hướng dẫn trồng nấm	10
	Người được hướng dẫn cách giao tiếp	9
	Những thanh niên được đi học tại trường nghề ở Huế	10
	Người được làm chân giả	10
	Người được giúp đỡ làm chứng minh thư	3
	Người được nhận các khoản trợ cấp nhỏ	7
	Người được nhận trợ cấp hội nhập	9
	Người được nhận xe lăn	3
	Người được hỗ trợ thi lấy bằng lái xe	2
	Người được khám bệnh đại trà	246
3.3	Mua trang thiết bị trạm y tế xã và tập huấn bác sĩ và hai cán bộ y tá về việc phục hồi chức năng.	
3.4	Hỗ trợ trang thiết bị y tế cho trạm y tế nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản về khám chữa bệnh tại chỗ cũng như khám bước đầu cho người dân.	

<b>Mục tiêu 4</b>	Đào tạo trẻ em và thanh niên khuyết tật tại xã và lập lớp học cho trẻ em khuyết tật.
<b>Các kết quả</b>	
4.1	Thực tập bốn tháng tại Thủy Biểu.
4.2	Xây dựng lớp học.
4.3	Lập kế hoạch và chương trình đào tạo trẻ em.
4.4	Mở lớp học tại xã Phong Mỹ
4.5	Tổ chức triển lãm, buổi giải trí, tặng quà, phát chứng minh và giấy khen cho trẻ em và phụ huynh.

<b>Mục tiêu 5</b>	Hình thành được trung tâm sản xuất cho người khuyết tật và người nghèo, có chính sách hỗ trợ để phát triển ngành nghề, tăng thu nhập cho người dân.
<b>Các kết quả</b>	
5.1	Lập nhóm tự lực cho người khuyết tật
5.2	Tập huấn trồng nấm
5.3	Tập huấn kỹ năng kinh doanh và quản lý
5.4	Xây dựng nhà trồng nấm
5.5	Bàn giao nhà trồng nấm, nhân viên và cơ sở cho hợp tác xã Tân Mỹ

<p>Các hoạt động</p>	<p><b>Hoạt động 1:</b> Quản lý, điều phối, hành chính, kế toán, giám sát, đánh giá, tham gia Bản quản lý dự án, bàn với chính quyền và những tổ chức khác.</p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Tiếp khách và phái đoàn , tham gia phái đoàn . Giới thiệu, quảng bá hình ảnh thông qua các buổi thăm quan giới thiệu cũng như giới thiệu trên truyền hình địa phương.</p> <p><b>Hoạt động 3:</b> Giới thiệu dự án , quảng cáo dự án , viết bài báo về dự án, TV promotion, tham gia hội thảo, dạy tại trường đại học, in tờ rơi, tổ chức hội thảo và cuộc trao đổi , in văn bản của dự án / báo cáo, bài khoa học , bài nghiên cứu v.v./.</p> <p><b>Hoạt động 4:</b> Các hoạt động khảo sát, đánh giá tình hình; các cuộc hội thảo, thu thập thông tin về người khuyết tật, giải pháp giúp người nghèo, người khuyết tật vươn lên;</p> <p><b>Hoạt động 5:</b> Hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực cho những người tham gia dự án: bao gồm những người trực tiếp tham gia vào bộ máy quản lý dự án, trung tâm sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp; các hoạt động tập huấn nâng cao kỹ năng sản xuất, đào tạo nghề, khả năng lập kế hoạch kinh tế hộ cho gia đình, ...lập các nhóm tự lực.</p> <p><b>Hoạt động 6:</b> Các hoạt động phổ biến, nâng cao kiến thức và ý thức phòng ngừa bệnh tật cho người dân; các hoạt động tiêm phòng, khám chữa bệnh định kỳ, phục hồi chức năng cho trẻ bị khuyết tật.</p> <p><b>Hoạt động 7:</b> Các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em khuyết tật, tránh tự ti, mặc cảm, hòa nhập cộng đồng.</p> <p><b>Hoạt động 8:</b> Cung cấp các thiết bị y tế, các thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, các phương tiện cho hoạt động của dự án ở các văn phòng thực hiện dự án: xe máy, máy vi tính, máy ảnh, máy chiếu, ...</p> <p><b>Hoạt động 7:</b> Xây dựng trung tâm sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp cho người nghèo và người khuyết tật; xây dựng các công trình quy mô nhỏ: trường mẫu giáo, đường giao thông nông thôn, cấp nước sinh hoạt, nhà sinh hoạt cộng đồng, ....</p> <p><b>Hoạt động 8:</b> Thực hiện công tác xã hội : trung gian đi phẫu thuật , trung gian đi khám , khám, phẫu thuật, hỗ trợ làm giấy phép lái xe , chứng minh thư nhân dân, làm thẻ bảo hiểm, đi thăm quan, tổ chức buổi văn nghệ, tổ chức triển lãm cho trẻ em , chia sẻ, cuộc trao đổi, hỗ trợ chi phi sinh hoạt , tư vấn về y tế, đào tạo, trung gian đào tạo, hỗ trợ dụng cụ đặc biệt /xe lăn, chân giả/, tạo việc làm</p>
----------------------	---

### 4.3.3 Các kết quả đạt được



Bức ảnh: Những đối tượng đã đi mổ

#### 4.3.3.1 Các kết quả về y tế:

Trước đây khi chưa có chương trình dự án, các hoạt động của trạm y tế chỉ là khám sức khỏe ban đầu cho mọi người và thực hiện những ca đỡ đẻ đơn giản. Hầu hết những hoạt động khám chữa bệnh này không có bất kì phương tiện nào hỗ trợ cho bác sĩ khám chữa bệnh mà chủ yếu dựa vào việc chẩn đoán theo kinh nghiệm của bác sĩ nên hầu hết những ca chữa trị gây khó khăn rất nhiều. Nhiều người tại địa phương mặc dù bị ốm nặng hai ba tháng thì cũng chưa hề đi thăm trạm y tế để khám. Đặc biệt, hầu hết những ca khám thai nhi theo định kỳ còn gặp nhiều khó khăn khi ở trạm không có máy móc nào để kiểm tra sức khỏe thai kì, đối với một số trường hợp phải chuyển lên tuyến trên mặc dù những ca đó nếu có sự hỗ trợ của máy móc thì có thể thực hiện ngay tại địa phương. Qua khảo sát cho thấy ở trạm y tế hầu như không được trang bị bất kì một trang thiết bị nào để đảm bảo trong việc khám chữa bệnh bước đầu cho người dân. Cũng chính vì lẽ đó mà hầu hết người dân ở địa phương chưa được tiếp cận với các dịch vụ y tế cần thiết, bởi trong nhiều trường hợp tới trạm y tế xã khám chữa bệnh nhưng trang thiết bị thiếu thốn nên không xác định được vấn đề phải đưa lên tuyến trên chữa trị, nhưng với điều kiện kinh tế của người dân còn hạn hẹp và đi lại xa xôi nên người dân cũng không đi khám nữa. Cho tới khi bệnh nặng thì họ mới bắt đầu đi khám chữa bệnh thì thông thường những trường hợp như vậy bệnh đã quá nặng và khó có hướng điều trị dứt điểm. Vậy làm thế nào để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tốt hơn và có thể phát hiện kịp thời những trường hợp mắc bệnh để có hướng điều trị sớm vừa giảm được chi phí cho người dân còn là một câu hỏi lớn đối với trạm y tế. Qua điều tra khảo sát bước đầu cho thấy việc hỗ trợ những trang thiết bị y tế tạo điều kiện thuận lợi trong việc chăm sóc sức khỏe bước đầu cho người dân là hết sức quan trọng. Cùng với xác định nhu cầu về trang thiết bị y tế chúng tôi cũng tiến hành điều tra xác định nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn xã.

Trong cuộc điều tra này chúng tôi đã tập huấn cho các cán bộ điều tra như các nhân viên y tế thôn bản, các cộng tác viên, những người tác nghiệp chuyên môn và kết quả cho thấy hầu hết mọi người ở địa phương cần được hỗ trợ để được đi khám sức khỏe cho mọi người.

Trước hết dự án đã phỏng vấn những bác sĩ chuyên gia tại Cộng Hoà Séc về việc cấp thiết bị phù hợp với trạm xá mà thực sự chưa có liên hệ với bệnh viên địa phương nhiều. Sau đó dự án đã đi khảo sát trạm y tế, phỏng vấn những nhân viên trạm xá. Cũng trong thời điểm này huyện cũng đã hỗ trợ xong một trạm y tế mới khang trang cho xã để thực hiện các hoạt động y tế. Đó cũng là điều kiện tốt để dự án có thể hỗ trợ những hoạt động thực tế cho trạm y tế khi cơ sở hạ tầng đã được đảm bảo. Dự án đã đi thăm những trạm y tế khác để so sánh hoàn cảnh của họ, đọc qua luật Việt Nam về việc hỗ trợ trang thiết bị y tế tại trạm xá, làm danh sách thiết bị cần thiết với bác sĩ trạm xá, cùng với các bác sĩ là đối tác tại Huế thảo luận và lên danh sách thiết bị. Cuối cùng là mời công ty tư vấn phân tích, mở đấu thầu, mua thiết bị và đào tạo bác sĩ. Thiết bị đã được mua như sau:

STT	Tên trang thiết bị (Được sắp xếp theo nhu cầu giảm dần)	Theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế (X)	Số lượng
1	Giường bệnh nhân	X	05
2	Giường bệnh nhân khám sản	X	01
3	Máy siêu âm xách tay	X	01
4	Bộ tiêu phẫu	X	02
5	Bàn đê, thép không gỉ	X	01
6	Băng ca bệnh nhân (chuyên bệnh)	X	01
7	Bàn tiêu phẫu	X	02
8	Tủ đựng hồ sơ	X	01
9	Tủ đầu giường	X	05
10	Đèn gù	X	02
11	Máy đo huyết áp người lớn	X	02
12	Máy đo huyết áp trẻ em	X	02
13	Hộp hấp bông gạc hình trống	X	03
14	Hộp hấp dụng cụ có nắp	X	03
15	Nồi hấp áp lực 18 lít điện - than	X	01
16	Mô vệt cỡ nhỏ, thép không gỉ	X	02
17	Mô vệt cỡ vừa, thép không gỉ	X	02
18	Van đặt âm đạo cỡ nhỏ	X	05
19	Van đặt âm đạo cỡ vừa	X	05
20	Máy nghe tim thai	X	01
21	Bộ đỡ đẻ	X	02
22	Bộ cắt may tăng sinh môn	X	02
23	Bộ đèn tia cực tím (diệt khuẩn)		20
24	Bộ nẹp cấp cứu	X	05
25	Máy phát điện	X	01
26	Ông nghe bệnh	X	01
27	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	X	01
28	Kẹp lấy dị vật trong mắt	X	02
29	Kẹp lấy dị vật ở mũi	X	02
30	Kẹp lấy dị vật trong tai	X	02
31	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	X	01
32	Tủ sấy điện cỡ nhỏ	X	01
33	Bộ tiêu phẫu chấp lẹo	X	01
34	Máy sinh hoá nước tiểu	X	01
35	Bàn làm việc	X	02
36	Máy châm cứu		02
37	Bình ô xy + đồng hồ, một bộ nhỏ và một bộ lớn		01
38	Đào tạo cán bộ sử dụng máy siêu âm		01
39	Chế độ bảo hành trang thiết bị		



Bức ảnh: Bằng Công Nhận của trạm xá đạt chuẩn quốc gia về y tế xã sau khi dự án hỗ trợ trang thiết bị y tế

Dự án đã tổ chức nghiên cứu tại xã thì tìm được 220 người cần được ưu tiên đi khám. Nghiên cứu này kéo dài từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2007. Sau đó dự án đã tổ chức cuộc khám đầu tiên vào tháng 1 năm 2008 tại xã. Dự án đã kết hợp với các nhân viên y tế thôn bản và trạm y tế thông báo cho mọi người dân tới khám nhưng do lý do khách quan nào đó mà có khoảng 74 người dân nằm trong danh sách khảo sát đã không thể tới khám. Cuối cùng thì những bác sĩ Y Dược Huế đã phát hiện 99 người mắc các bệnh khác nhau. Trong đó có 71 người cần phải được điều trị gấp bằng phẫu thuật hoặc bằng những can thiệp y tế cần thiết khác.

**Bảng: Những đối tượng theo loại bệnh**

Loại bệnh	phần trăm tại xã	phần trăm tại Việt Nam theo WHO
chân	39,84	29,41
câm	3,64	---
điếc	6,82	9,33
nói không tốt	9,09	7,08
tàn tật	14,55	16,82
khác	25,45	---
đa khuyết tật	15,91	---

### Bảng: Theo ảnh hưởng do khuyết tật

Cách ảnh hưởng	phần trăm
không làm việc nặng được	22,27
mệt lắm, không ngủ được	8,64
đau, nhức	7,27
vấn đề di động	12,27
khác /không có thái được v.v/	12,27

Dự án đã đạt được những thỏa thuận về chăm sóc y tế cho cộng đồng theo chương trình đã đề ra, đặc biệt cho những người khuyết tật trên địa bàn.

Thực hiện khám bệnh, xét nghiệm tại xã mà người bệnh không cần phải đi xa và chi phí cũng rất thấp phù hợp với điều kiện của nhiều người dân nông thôn. Với những dụng cụ này và với các cán bộ được dự án hỗ trợ đi học theo các chương trình nâng cao, trạm y tế xã Phong Mỹ đã trở thành trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế tuyến xã.

Dự án đã liên kết với trường đại học Y Dược Huế để xác định và điều trị bước đầu cho người dân tại xã, đặc biệt xác định các khả năng khuyết tật của mọi người để có hướng giúp đỡ và điều trị cho người dân. Thực hiện khám và lắp chân giả cho 10 người khuyết tật trong địa bàn xã. Hỗ trợ xe lăn cho 3 người. Khám tổng quát cho 10 trẻ em đi học tập tại Thủy Biều. Thực hiện khám tổng quát cho 10 người để thực hiện công việc trong nhà trồng nấm. Thực hiện mổ và hỗ trợ mổ cho 12 đối tượng trên địa bàn xã. Thực hiện mua thẻ bảo hiểm y tế cho những gia đình gặp khó khăn nhưng không được nhà nước hỗ trợ với tổng số 25 thẻ BHYT. Thực hiện phục hồi chức năng cho các trẻ em trong lớp học khuyết tật và những trẻ em không có điều kiện đến lớp. Bên cạnh các hoạt động đó dự án cũng đã hỗ trợ cho các bệnh nhân đi mổ như mắt, tim và một số bệnh khác đã giúp cho người dân được chữa khỏi bệnh. Trước đó những người dân cũng đã rất mong muốn được đi chữa bệnh nhưng điều kiện kinh tế eo hẹp đã không cho phép họ được chữa trị bệnh. Đối với một số trường hợp thì đã có thẻ bảo hiểm y tế nhưng việc chữa bệnh lại tốn hơn rất nhiều và bảo hiểm cũng chỉ chi trả 50% như trường hợp mổ tim của em Lê Hồng Phong. Với trường hợp này mặc dù em có bảo hiểm nhưng bảo hiểm chỉ chấp nhận chi trả 50% cho em trong khi đó chi phí cho một ca mổ tim là gần 70 triệu đồng như vậy gia đình cũng phải chi trả một khoản là 35 triệu. Là một gia đình thuần nông và điều kiện kinh tế còn đang gặp nhiều khó khăn thì việc đảm bảo cuộc sống cho gia đình và nuôi dưỡng hai anh chị của cháu Phong cũng đã là khó khăn đối với gia đình nên việc đi phẫu thuật cho em là hết sức khó khăn. Bố mẹ em làm nông nghiệp lúc nông nhàn đi làm thêm cát sạn mỗi ngày thu nhập cũng chỉ được 100 ngàn đó là những ngày sức khỏe tốt và thời tiết thuận lợi, còn những ngày mưa hoặc đau ốm thì không thể làm gì được. Gia đình cũng đã đi nhiều chỗ xin ủng hộ nhưng hầu như không mang lại kết quả, gia đình cũng đã liên



hệ với ngân hàng kể cả ngân hàng chính sách xã hội để xin vay nhưng số tiền cho vay tối đa cũng chỉ là 5 triệu đồng, mới đủ khoản tiền gia đình đi chăm sóc. Trong điều kiện đó gia đình cũng đã liên hệ với cán bộ công tác xã hội của dự án tại địa phương và đã được các cán bộ xã hội giúp đỡ để có thể cho em được đi mổ. Dự án cũng đã tiến hành hỗ trợ cho gia đình kinh phí để kịp thời cho em đi phẫu thuật trong niềm vui của gia đình.



Bức ảnh: Em Phong sau khi mổ tim gần 2 tháng và trước khi được hỗ trợ mổ tim

Với các trường hợp khác điều kiện kinh tế gia đình cũng không tốt hơn, họ sống phụ thuộc vào tiền hỗ trợ của nhà nước hoặc có thu nhập thấp ở nông thôn nên đối với họ chỉ cần một lần ốm đau là có thể tái nghèo vì chi phí chữa bệnh. Nhiều trong số những người bệnh này đã được dự án hỗ trợ đưa đi khám và chữa bệnh như vậy

Mặc dù trong khuôn khổ hoạt động của dự án còn đang hạn chế với nhiều nguyên nhân trong khi những người mong muốn được hỗ trợ thì lại quá nhiều, tuy nhiên với những nỗ lực của các thành viên hoạt động đã mang lại một số kết quả bước đầu khả quan. Các máy móc được trang bị cho trạm y tế bước đầu đã mang lại hiệu quả cụ thể đó là: Các trường hợp sinh nở khó đã được xác định sớm hơn để có hướng đưa lên tuyến trên giải quyết kịp thời, các trường hợp về phục hồi chức năng bước đầu đã có thể được làm quen với cách phục hồi chức năng có hiệu quả. Trước đây, các gia đình muốn đưa người khuyết tật đi phục hồi chức năng thì phải đưa tới bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng làng hòa bình để được chăm sóc nhưng nay các gia đình có thể đưa con em của mình tới ngay trạm y tế cũng đã được chăm sóc về phục hồi chức năng.

#### 4.3.3.2 Các kết quả về giáo dục

Phong Mỹ là một địa phương chịu ảnh hưởng của chất độc da cam và những tập quán lạc hậu trong việc sinh con và chăm sóc mẹ có thai và con sau khi sinh nên những di chứng để lại cho các thế hệ là rất nặng nề nhất là đối với hai bản vùng dân tộc miền núi. Trên địa bàn hiện nay có khoảng 14 trẻ em trong độ tuổi từ 4 đến 15 là khuyết tật và các em không

được đến trường học hành, trong khi đó cũng không có một trường học nào muốn nhận các em vào học bởi những trường hợp khuyết tật như các em chưa có một phương pháp nào để đào tạo, mặt khác nhân lực của các trường cũng có hạn và sự hỗ trợ từ các cấp chính quyền chưa thật tốt để có thể giúp các em đến trường. Như trường hợp của em Sơn, với những



khuyết tật của em thì em chỉ suốt ngày ngồi nhà mặc dù em rất muốn đi học, rất muốn được đến trường. Em không thể đi lại và bố mẹ em phải đi làm để đảm bảo cuộc sống gia đình và mỗi khi bố mẹ đi làm thì em phải ở nhà một mình, em chỉ có thể nằm ở trên giường chờ đợi kể cả việc vệ sinh cá nhân của em không phải chấp nhận theo đôi chân không thể đi lại. Một số gia đình khi thấy con khó khăn trong vận động và lần đầu tiên con đi đến lớp nên khóc thì bố mẹ đã không đồng ý để con cái mình được ở lại lớp học mà mang con về. Con liên tục ở bên mẹ thì bắt đầu hư không chịu được khi gặp người khác và không phát triển quan hệ giao tiếp bình thường và bị cô lập dần dần gây nên sự xa cách của đứa trẻ với cộng đồng và xã hội.

Em bị tật bẩm sinh và là gánh nặng của gia đình, tại địa bàn của huyện chưa có bất kì một trường học nào dành cho những trẻ khuyết tật như em, với em việc được đến trường là xa vời. Qua điều tra thì tất cả các em bị khuyết tật ở địa phương đều không được đến trường, các điều kiện chăm sóc cho các em cũng gặp rất nhiều khó khăn nhất là việc phục hồi chức năng cho các trẻ em. Với những khó khăn của các gia đình và mong muốn được đến trường của các em chúng tôi đã tiến hành khảo sát, tìm nhân lực và liên hệ các đối tác hỗ trợ trong việc đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực và tập huấn về chương trình đào tạo trẻ khuyết tật. Qua khóa huấn luyện tại trường trẻ em khuyết tật xã Thủy Biều với tổng số 2 cô giáo và 5 trẻ em đầu tiên cùng với bố mẹ các trẻ tham gia tập huấn đã mở ra những suy nghĩ mới về đào tạo trẻ em khuyết tật.

Dự án đã xác định phát triển tiềm năng xã hội trong đó các em nhỏ cũng cần có những phương pháp giáo dục đặc biệt để giảng dạy. Lớp giáo dục đặc biệt do dự án hỗ trợ là lớp đào tạo trẻ em khuyết tật đầu tiên không chỉ riêng ở xã Phong Mỹ mà còn là đầu tiên của

cả huyện Phong Điền. Dự án đã hỗ trợ để thành lập lớp và cùng với cô giáo được dự án gửi đi đào tạo ở trường khuyết tật Thủy Biều xây dựng chương trình đào tạo cho lớp với việc đào tạo hướng vào học sinh. Một số kết quả bước đầu đã đạt được:

- Xây dựng 1 lớp cho trẻ em khuyết tật hiện đang theo học (hiện tại từ 7- 10 cháu) trong độ tuổi từ 4 tuổi đến 16 tuổi, học theo chương trình mầm non do dự án kết hợp với chùa Thủy Biều và một số cô giáo cũng như phòng giáo dục soạn thảo và dựa theo những chương trình huấn luyện đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật. Sửa lớp tạm thời và nhà bếp trang bị cho lớp trẻ khuyết tật, lập chương trình giáo dục cho trẻ khuyết tật, mở lớp đặc biệt cho trẻ khuyết tật. Hiện tại lớp này được Trường mầm non Phong Mỹ quản lý. Lớp học đầu tiên này có tổng số 8 cháu đi học, những cháu đi học với niềm vui lần đầu tiên được đến trường. Có những cháu lần đầu đến trường nhưng với tâm lý không ổn định nên việc đưa các cháu vào nề nếp rất khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của các cô giáo cùng với bố mẹ của các trẻ đã dần dần tạo thành thói quen cho các em. Bước đầu đã biết nghe lời và làm theo những gì cô giáo chỉ dạy, tuy nhiên những hoạt động của các em còn rất khó khăn nhất là đối với những em bị khuyết tật về vận động, nhưng được sự hỗ trợ kịp thời của các cô giáo các em cũng đã làm quen được với những hoàn cảnh khó khăn và khắc phục dần. Công tác đào tạo ở đây cũng khác so với những chương trình của lớp học bình thường, việc học tập trung vào các em nhiều hơn và với khả năng riêng biệt của từng em để được thích ứng với những điều kiện cho phép. Mặc dù đây là lớp học đầu tiên được mở ra những với những nỗ lực của những người xây dựng chương trình, cùng với những kiến thức đã được đào tạo khi đi học ở trường trẻ em khuyết tật Thủy Biều và với tâm huyết của những người thực hiện cũng đã sắp xếp những mục tiêu hợp lý nhất khi đào tạo các em.



Bức ảnh: Trường trẻ em khuyết tật và nơi trẻ em và cô giáo, cán bộ xã hội thực tập ở đó

Các em tới lớp học với rất nhiều độ tuổi khác nhau cũng như nhiều dạng khuyết tật khác nhau phần nào đã gây khó khăn cho công tác giảng dạy cho phù hợp với khả năng của từng em. Nhưng việc giảng dạy hướng vào học sinh và những khả năng có thể của các em

cũng đã được áp dụng cũng như những kỹ năng của các giáo viên đã giúp cho công việc được đi đúng hướng và kết quả là những thay đổi của các em trong quá trình học tập. Sau một năm đi vào học ở đây, một số em đã có khả năng đọc viết và làm toán, một số em khác khi đến với lớp học chưa hề biết nói nhưng hiện nay cũng đã bắt đầu nói những lời đầu tiên mặc dù chưa rõ ràng. Các em trước đây chỉ ở nhà và những người khác phải phục vụ mình thì nay cũng đã bắt đầu tự phục vụ được bản thân và giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập. Ở lớp các em được cô giáo hướng dẫn ngoài học một số kiến thức như các trường lớp bình thường như tập đọc, tập viết, hát, vẽ... thì còn được học thêm các kỹ năng khác như: học cách tự chăm sóc bản thân, học cách đi vệ sinh, vệ sinh cá nhân, chăm sóc lẫn nhau,... với những trẻ em bình thường thì đây là những điều hết sức bình thường khi các em thực hiện nhưng đối với những trẻ em khuyết tật thì đây là một nhiệm vụ khó khăn. Một phần khi còn ở trong gia đình các em được bố mẹ giúp đỡ và lo lắng cho tất cả nên suy nghĩ của các em còn đang ý lại mà chưa tự cố gắng, mặt khác với những khó khăn của những khuyết tật nên việc thực hiện những công việc như thế vượt quá khả năng của các em. Tuy nhiên, với sự nỗ lực không mệt mỏi của những giáo viên đã giúp cho các em có ý thức tự giác trong sinh hoạt và dần dần tập luyện với những điều cần thiết để các em có thể tự mình thực hiện khi không có người khác ở cùng.



Bức ảnh: Lớp học giáo dục đặc biệt cho trẻ em của dự án

**Cháu Lê Văn Chinh** là một trong những người được dự án hỗ trợ cho cháu đi học. Gia đình cháu ở bản Hạ Long là người dân tộc Pàhy, bố cháu mất khi cháu 3 tuổi, gia đình nghèo khó, bản thân cháu bị bệnh Đao ở thể nhẹ. Lên 3 tuổi mà vẫn không biết nói, mỗi lần để cháu một mình là cháu lại lao ra đường và đâm vào các xe đi ngang qua đường. Được sự hỗ trợ của dự án cháu Chinh được đưa tới trường trẻ em khuyết tật Thủy Biều để học tập trong thời gian 3 tháng trong lúc chờ dự án mở lớp tại xã. Sau thời gian đi học 3 tháng các hành vi của cháu Chinh đã có những thay đổi rõ rệt đầu tiên đó là những lần chạy ra đường húc vào xe đã giảm đi rõ rệt, cháu đã biết nghe lời và bắt đầu làm quen với môi trường mới. Sau khi dự án hình thành lớp học tại xã, cháu đã được học tập tại đây, từ đưa trẻ lên 3 không hề biết nói năng bây giờ cháu cũng đã tập luyện phát âm những tiếng đầu tiên trong đời.



Em Lê Văn Chinh sau 7 tháng học tập tại lớp khuyết tật của dự án Hiện nay, cháu đang tập nói nhiều và cháu được học vẽ, học cách tự chăm sóc bản thân cũng như giao tiếp với những người khác. Để có được như vậy không chỉ là sự nỗ lực của bản thân cháu mà còn có sự giúp đỡ, chăm sóc rất nhiệt tình của cô Thanh, cô Toàn – giáo viên dạy lớp khuyết tật – nhiệt tình giúp đỡ và chăm sóc. Bên cạnh đó còn có sự cố gắng của gia đình đã thường xuyên đưa em tới lớp học tập cũng như các cán bộ công tác xã hội của dự án đã hỗ trợ gia đình trong việc đưa đón và chăm sóc em.

Sau gần 1 năm các em học tập tại lớp khuyết tật do dự án mở ra các em đã gặt hái được những thành quả đáng khích lệ, điều mà bố mẹ các em chưa bao giờ nghĩ được rằng con mình có thể làm được những vấn đề như thế.

Có thể nói nhờ những thay đổi rất lớn đó đã thôi thúc cho bố mẹ các em yên tâm hơn và luôn cố gắng hơn nữa để đưa con em mình tới trường học, cũng như nỗ lực hơn cho mỗi thay đổi của các em từng ngày.

- Dự án cũng đã gửi hai cán bộ y tế thôn bản đi học phục hồi chức năng và tiến hành phục hồi chức năng cho những trẻ em bị khuyết tật. Đối với công việc phục hồi chức năng để thấy được hiệu quả thì cần phải có thời gian lâu dài tùy thuộc vào từng loại khuyết tật gây nên. Công việc phục hồi chức năng bước đầu giúp cho các em có thể dần hồi phục đảm bảo cho các hoạt động của bản thân các em, nhưng quan trọng hơn đó là kết hợp cùng với gia đình tiến hành phục hồi cho các em. Đối với các trẻ em việc học tập ở trên lớp chỉ có 8 tiếng một ngày và một tuần chỉ học 5 ngày nhưng bố mẹ của các em thì tiếp xúc thường xuyên hơn với các em và việc cán bộ phục hồi chức năng cùng với bố mẹ tập luyện với trẻ vừa tạo kỹ năng cho bố mẹ hoạt động cùng với các em và có nhiều thời gian hơn để bố mẹ cùng với trẻ thực hiện những hoạt động giúp cân bằng lại những khiếm khuyết của các em. Những hoạt động phục hồi chức năng chủ yếu thực hiện đó là phục hồi về vận động và phục hồi thần kinh. Với phục hồi chức năng vận động các em sẽ được tập luyện để thực hiện các động tác đúng với bình thường tạo cho các em những nếp quen dần dần khi di chuyển, đứng lên ngồi xuống. Với các em bị khuyết tật tinh thần các em bước đầu được làm quen với màu sắc và các hình khối để có thể nhận biết dần. Đây là những hoạt động mang tính thường xuyên và lâu dài và khó cho thấy ngay kết quả. Cần phải có thêm nhiều thời gian hơn nữa để các em có thể tập làm quen với những hoạt động còn đang mới này.

Qua chương trình đào tạo trong 2 năm các em đã có những thay đổi rất rõ nét. Trước khi có dự án các em không hề được đi học không hề biết trường lớp là gì, nhưng kể từ khi có dự án các em đã bắt đầu được cấp sách tới trường, được gặp gỡ bạn bè và dần dần thay đổi cách suy nghĩ của mình. Có một số em khi vào lớp không hề biết một cái gì, khi thấy các phương tiện đi ngoài đường thì lao ra và húc vào những xe đó nhưng từ khi được vào lớp học các em đã dần thay đổi hiện nay các em đã bắt đầu tập nói và đang làm quen dần với những người xung quanh. Các em được vẽ, học hát và học theo chương trình do dự án soạn hảo dựa trên khung chương trình dành cho các em khuyết tật của bộ giáo dục và đào tạo đề ra.

Điều quan trọng khi đi học đối với các em đó là cơ hội được tiếp xúc với mọi người xung quanh, được hiểu biết và có thể tự giúp bản thân mình. Sự thiệt thòi của nhiều người khuyết tật không chỉ thiệt thòi về những khiếm khuyết của cơ thể mà còn là mất đi cơ hội được tiếp

xúc với thế giới bên ngoài. Nếu như không có những nỗ lực ngay từ khi các em còn nhỏ thì sau này khi trưởng thành thì những di chứng đó sẽ càng nặng nề hơn. Đó không còn là gánh nặng cho các em mà còn là gánh nặng cho gia đình và toàn xã hội. Muốn thay đổi vấn đề đó thì ngay những bước đầu tiên này các em cần được hỗ trợ giúp đỡ để có thể tự lực trong bước đường tiếp theo của mình.

Tuy nhiên, một khó khăn khác của dự án khi xây dựng lớp học đó là tính bền vững của lớp khi dự án không còn nữa. Đối với các trẻ em khuyết tật gia đình hầu hết gặp rất nhiều khó khăn, được sự hỗ trợ của dự án họ hồ hởi đưa con tới trường học nhưng vấn đề đặt ra là nếu như không có sự hỗ trợ bền vững từ bên ngoài thì rất khó khăn để có thể tiếp tục duy trì lớp học. Khi dự án còn tồn tại các em được học bán trú ở trường và dự án hỗ trợ tiền ăn trưa cho các em với chi phí 7000 đồng cho một em và gia đình các em chỉ phải đóng góp 1000 đồng nhưng với nhiều gia đình việc đóng góp 1000 đồng mỗi bữa ăn cho các em cũng là một khó khăn rất lớn. Khi dự án rút đi thì liệu gia đình có tiếp tục để cho các em tới lớp trong khi không có sự hỗ trợ kinh phí cho việc học tập của các em. Để có thể duy trì được hoạt động của lớp học trong khi dự án không còn dự án đã kết hợp với trường mầm non Phong Mỹ quản lý và được sự giúp đỡ của phòng Giáo dục cũng như các cấp chính quyền ở địa phương để giúp đỡ các em có cơ hội được tiếp tục đến trường. Bên cạnh đó, lớp học hiện nay cũng được sự hỗ trợ tích cực từ nhà trồng nấm - một cơ sở được dự án xây dựng sản xuất – để tiếp tục duy trì. Sau khi các em học xong và đủ khả năng thì các em cũng có thể học tập và làm việc tại cơ sở này để có thể tự đảm bảo cho cuộc sống.

#### 4.3.3.3 Các kết quả về trung tâm sản xuất

Để đạt được mục tiêu về phát triển kinh tế và đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư đề ra là phải hình thành nên một trung tâm sản xuất tại địa phương chúng tôi đã tiến hành khảo sát, điều tra và lấy ý kiến của cộng đồng. Qua lấy ý kiến của cộng đồng và tham khảo các ý kiến của các chuyên gia chúng tôi đã khảo sát các hoạt động sản xuất trước đây ở địa phương cũng như các hoạt động sản xuất ở các địa phương khác. Một số các hoạt động được xem xét như làm mây tre đan, trồng hoa lan, trồng nấm ... đã được nghiên cứu. Sau khi tham khảo ý kiến, xem xét những điều kiện làm việc phù hợp với người khuyết tật và cuối cùng bằng phương pháp SWOT (phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức) dự án đã quyết định chọn mô hình trồng nấm để thành lập trung tâm sản xuất cho người khuyết tật. Quyết định này dựa trên sự phân tích của cán bộ của dự án, tham khảo các ý kiến của các chuyên gia và lấy ý kiến

cộng đồng dựa trên phương pháp so sánh và cho điểm, cũng như dựa vào những nguồn lực sẵn có của dự án và cộng đồng.



Bức ảnh: Nhà trường nấm được xây dựng

Nấm ăn là một loại thực phẩm rất giàu dinh dưỡng, chứa một lượng đạm thấp hơn chỉ so với thịt và cá. Nấm chứa nhiều chất khoáng và những loại vitamin như A, B, C, D, E v.v. và không chứa độc tố. Có thể coi nấm là loại “thịt sạch” hay “rau sạch”. Ngoài ra, nấm còn chứa những chất có thể chữa bệnh, chất làm tăng khả năng đề kháng và giúp chữa một số loại bệnh như cao huyết áp, phì, các bệnh đường ruột. Ở Huế là một nơi theo đạo phật rất nhiều, số lượng người ăn chay khá lớn và đến với Huế người ta biết đến món ăn chay giống như là một món ăn riêng của địa phương. Nhưng nói đến món ăn chay thì phải kể tới nấm, một thực phẩm không thể thiếu trong các món ăn chay, nấm được chế biến thành nhiều món ăn rất hấp dẫn và bổ dưỡng. Hiện nay, ở nhiều nơi trong cả nước đặc biệt là những đô thị phát triển thì nấm rất được ưa chuộng sử dụng vì là thực phẩm sạch và an toàn.



Bức ảnh: Hai sản phẩm đầu tiên

Qua nghiên cứu chúng tôi cũng đã tham khảo ở một số địa phương khác đã trồng nấm trên địa bàn của tỉnh và nhận thấy việc sản xuất nấm là dễ dàng và phù hợp với điều kiện của người khuyết tật. Những hoạt động trồng nấm nhẹ nhàng và nhiều dạng khuyết tật khác nhau đều có thể làm được



### Hoạt động sản xuất nấm tại cơ sở

Sau khi có những ý tưởng sản xuất về sản phẩm nấm, chúng tôi đã cùng với ban quản lý dự án và đưa ra mô hình sản xuất nấm đầu tiên ở Phong Mỹ. Với mô hình này sẽ có trung bình từ 10 đến 13 công nhân làm việc trong cơ sở với mức lương bình quân từ 550 ngàn tới 700 ngàn đồng một người một tháng. Sau khi đi vào hoạt động loại nấm chính được trồng đó là nấm sò và cho thử nghiệm trồng nấm linh chi. Kết quả sau 4 tháng thực hiện tổng số tiền thu được từ trồng nấm là 34 triệu đồng, có thể nói mô hình trồng nấm đã cho kết quả bước đầu rất khả quan và đang mang lại hiệu quả cho người dân ở địa phương. Bên cạnh việc sản xuất và tái sản xuất nhà trồng nấm này còn là nơi để đào tạo công tác xã hội, là nơi hỗ trợ thông tin cho người khuyết tật, đào tạo nghề và hỗ trợ tiềm năng xã hội. Nhà trồng nấm sau khi có thu nhập cũng đã tiến hành hỗ trợ cho lớp mầm non khuyết tật do dự án thành lập với mức 1 triệu đồng mỗi tháng nhằm hỗ trợ tiền ăn cho các cháu ở đây.



Bức ảnh: Thực tập trước, chờ hái nấm

Rõ ràng khi dự án còn hoạt động được sự hỗ trợ rất nhiều từ dự án nên các hoạt động diễn ra thuận lợi, để đảm bảo được những hoạt động của nhà trồng nấm dự án đã lên kế hoạch cùng hợp tác với hợp tác xã Tân Mỹ - nơi nhà trồng nấm hoạt động – cùng lên kế hoạch và trao đổi các hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau khi dự án rút đi đã bàn giao lại cho hợp tác xã và hiện nay nhà trồng nấm đã mở rộng sản xuất không chỉ có nấm mà còn sản xuất một số mặt hàng khác như chổi đót, tăm tre.

Trong thời gian hoạt động dự án cũng đã giúp đỡ đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng cho nhân viên trong nhà xưởng nhằm tạo cho họ có được những kỹ năng nhất định khi làm việc không chỉ trong đơn vị mà có thể làm việc ở bất kỳ một nơi khác. Dự án đã hỗ trợ cho 9 người đi học sản xuất nấm tại hợp tác xã Phú Lương I trong thời gian 1 tháng và tiến hành trồng nấm trên cơ sở. Ngoài đào tạo nghề dự án còn hỗ trợ cho đào tạo các lớp như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, kỹ năng kinh doanh... nhằm tạo cho nhân viên điều kiện mở rộng kiến thức và áp dụng khả năng vào thực tế của sản xuất.

Những tai nấm đầu tiên của cơ sở

Những kết quả đầu tiên là rất khả quan khi nhu cầu thị trường về sản phẩm nằm ở đây là rất lớn, những sản phẩm đầu tiên ra thị trường đã được chấp nhận và được người tiêu dùng đánh giá chất lượng cao hơn so với những nơi khác. Những hoạt động tiếp theo của cơ sở được hợp tác xã Tân Mỹ lên kế hoạch và triển khai một cách chi tiết đã giúp cho cơ sở có những bước đi vững chắc trong thời gian tới.

#### 4.3.3.4 Các hoạt động về công tác xã hội, nhóm tự lực và đào tạo nâng cao năng lực

##### \* Công tác xã hội

Công tác xã hội là một nghề khuyến khích sự thay đổi xã hội, giải quyết vấn đề trong mối quan hệ giữa con người, sự trao quyền và sự giải phóng để con người được nâng cao lên. Bằng cách sử dụng các lý thuyết về hành vi của con người và các hệ thống xã hội, can thiệp công tác xã hội tại các điểm mà con người tương tác với môi trường sống của họ. Nguồn gốc của các quyền con người và công bằng xã hội là cơ bản để làm việc xã hội. (International Federation of Social Workers, 2007; Hiệp hội nhân viên công tác xã hội Quốc tế thông qua tháng 7 năm 2000 tại Montréal, Canada (IFSW))

Hoặc theo NASW – 1970 thì “Công tác xã hội là một chuyên ngành để giúp đỡ cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng tăng cường hay khôi phục việc thực hiện các chức năng xã hội của họ và tạo những điều kiện thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu đó”

Dựa trên những nguyên tắc đó dự án cũng đã tiến hành các hoạt động công tác xã hội nhằm giúp đỡ những người gặp khó khăn hoặc những người bị đẩy ra ngoài xã hội (người nghèo, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, phụ nữ, người già ...). Các hoạt động của công tác xã hội là nỗ lực hành động nhằm giảm thiểu:

Những rào cản trong xã hội

Sự bất công.

Và sự bất bình đẳng.

- Để đạt được những kết quả chúng tôi đã sử dụng 3 phương pháp để thực hiện:

Công tác xã hội với cá nhân: Thông qua những cuộc tiếp xúc với cá nhân, gia đình chúng tôi sẽ xác định nhu cầu của các cá nhân, các gia đình sau đó thu sắp xếp với những nguồn lực sẵn có và lựa chọn những hoạt động ưu tiên. Mỗi một cá nhân chúng tôi sẽ xây dựng thành 1 trường hợp và mỗi một trường hợp sẽ có nhiều các can thiệp khác nhau tùy vào những vấn đề cụ thể mà trường hợp đó cần giải quyết.

Công tác xã hội với nhóm: Thông qua những buổi tổ chức họp nhóm chúng tôi sẽ lấy ý kiến về nhu cầu của cộng đồng và xây dựng những chương trình hoạt động cho cộng đồng nhằm mang lại những lợi ích thiết thực cho cộng đồng. Bằng phương pháp từ dưới lên (bottom –

up) xuất phát từ nhu cầu của chính người dân. Muốn tự phát triển chính người dân phải tự ý thức cũng như tự tổ chức để bảo vệ quyền lợi của mình. Thông qua đó chúng tôi sẽ thành lập nên các nhóm tự lực trong cộng đồng và các nhóm này sẽ hỗ trợ lẫn nhau để cùng phát triển và chia sẻ những kinh nghiệm cá nhân với các thành viên khác trong nhóm.

Và phát triển cộng đồng: Phát triển cộng đồng là một quá trình chuyển biến xã hội trong cộng đồng mà thông qua đó con người được phát triển và trưởng thành trong phạm vi tiềm năng vốn có của họ. Chuyển biến xã hội trong cộng đồng bao gồm các thay đổi tích cực năng lực mọi mặt của các thành viên trong cộng đồng, những cải tiến về tổ chức cộng đồng phù hợp với nỗ lực hoạt động tập thể và những cải tiến quy chế, thể chế hoạt động cộng đồng hướng tới dân chủ và bình đẳng. Đó là những nỗ lực có kế hoạch, có tổ chức nhằm giúp cho các cá nhân có được những thái độ và những quan niệm phù hợp, kỹ năng tốt để họ tham gia tích cực và dân chủ vào việc đưa ra các giải pháp cải thiện có hiệu quả các vấn đề chung theo thứ tự ưu tiên được xác định. (Phát triển cộng đồng, Trương Văn Tuyên, 2007). Như vậy, phát triển cộng đồng là một tập hợp các hoạt động do tự cộng đồng làm chủ để quyết định các vấn đề của chính họ.



Bức ảnh: Công tác xã hội

## Các kết quả đạt được trong hoạt động công tác xã hội

Hoạt động về công tác xã hội là một hoạt động còn đang mới mẻ ở Việt Nam, có thể nói trong khuôn khổ hoạt động của dự án có thời gian còn ngắn nên chỉ dừng lại ở một số những hỗ trợ bước đầu cho người dân hiểu được các vấn đề, các khó khăn của chính họ để từ đó có được những thay đổi với nguồn lực và khả năng sẵn có của mình.

Trong thời gian 3 năm chúng tôi đã tiến hành thiết lập tổng cộng là 364 trường hợp và thực hiện 1273 can thiệp xã hội. Các can thiệp chủ yếu hướng tới đối tượng là người khuyết tật, trẻ em khuyết tật, người già, phụ nữ và những người yếu thế. Để thực hiện các hoạt động về công tác xã hội chúng tôi đã tuyển lựa nhân viên là người địa phương – những người am hiểu về tình hình của cộng đồng- sau đó tập huấn, đào tạo các kỹ năng về công tác xã hội. Các nhân viên được đào tạo bởi các chuyên gia trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực xã hội học và công tác xã hội. Các nhân viên sẽ tiến hành các hoạt động theo phương pháp tiếp cận với cá nhân, thăm hỏi động viên cũng như lập cầu nối giúp đỡ cho các đối tượng. Đối với những trường hợp cần sự hỗ trợ về thủ tục, giấy tờ liên quan như: làm giấy chứng minh thư nhân dân, làm giấy hộ khẩu... các cán bộ xã hội sẽ giúp đỡ làm trung gian hỗ trợ cho người dân để thực hiện được dễ dàng.

### Cuộc viếng thăm những đối tượng của dự án để xây dựng trường hợp

Đối với các trường hợp người dân bị bệnh, các cán bộ xã hội sẽ hỗ trợ bằng cách đưa người tới bệnh viện, trạm y tế và hỗ trợ chăm sóc, hướng dẫn và làm thủ tục xuất nhập viện, các thủ tục về bảo hiểm y tế giúp cho người dân. Để có thể làm được những điều này các cán bộ xã hội cùng với dự án phải có sự kết hợp chặt chẽ với các đối tác địa phương để có thể đảm bảo được các hoạt động được suôn sẻ và dễ dàng. Những trường hợp người dân (đặc biệt là người có hoàn cảnh khó khăn) không có bảo hiểm y tế dự án sẽ hỗ trợ, giúp đỡ để mua bảo hiểm y tế cho người dân.

Thông qua các cuộc viếng thăm thường xuyên các cán bộ xã hội sẽ nắm bắt được tình hình cụ thể, những khó khăn của người dân và những vấn đề xảy ra bất ngờ đối với người dân. Những trường hợp người dân phản ứng không kịp và không đủ khả năng để phản ứng thì sẽ được sự giúp đỡ của các cán bộ xã hội cũng như của dự án. Trong nhiều trường hợp cán bộ xã hội cũng như những người tư vấn giúp cho người dân nắm bắt được các thông tin kịp thời và đầy đủ, trong những trường hợp khác thì cán bộ xã hội như những người bạn chia sẻ những khó khăn của cuộc sống cũng như những công việc.

Đối với hoạt động của các nhóm, cán bộ xã hội sẽ là người nắm bắt trước hết những nhu cầu của nhóm đặc biệt là những nhu cầu về đào tạo, huấn luyện qua đó có những đề xuất lên ban chủ nhiệm dự án sẽ xem xét và lên kế hoạch đào tạo cho người dân. Thông qua những

đề xuất như vậy dự án đã thực hiện các khóa đào tạo ngắn hạn cho người dân như: kỹ thuật chăn nuôi gà bán công nghiệp, các thông tin cần thiết về người khuyết tật cho nhóm tự lực. Đào tạo cho các cán bộ chủ chốt của địa phương cũng như nhân viên của dự án về kỹ năng giao tiếp và thương lượng. Nhờ những khóa đào tạo ngắn hạn như vậy người dân có thể áp dụng ngay vào trong công việc hằng ngày của mình trong sản xuất cũng như trong hoạt động nhóm, hoạt động xã hội.

\* Nhóm tự lực:

Dự án đã hỗ trợ thành lập nhóm tự lực nhằm tạo cho người khuyết tật có một nơi cùng nhau chia sẻ những khó khăn của cuộc sống cũng như những thông tin trợ giúp cho người khuyết tật. Bên cạnh việc chia sẻ những thông tin thì nhóm tự lực cũng là nơi rất thuận lợi để các tổ chức cá nhân muốn hỗ trợ cho người khuyết tật có thể hỗ trợ thông qua các hoạt động dành cho nhóm. Ngoài ra, khi thành lập nhóm tự lực dự án cũng đã tổ chức những khóa đào tạo ngắn hạn cho các thành viên trong nhóm nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng, không chỉ là các kiến thức hiểu biết về sự hỗ trợ của nhà nước dành cho người khuyết tật mà còn là những kiến thức về kỹ thuật sản xuất cho mọi người. Cũng thông qua nhóm tự lực này mà người khuyết tật biết được sự quan tâm của nhà nước, các chính sách dành cho người tàn tật cũng như những địa chỉ giúp đỡ cho người khuyết tật trên toàn quốc.

Nhóm tự lực được thành lập và mỗi quý tổ chức họp một lần, thông qua các buổi họp này các thành viên sẽ đóng góp, chia sẻ ý kiến cũng như xây dựng cho hoạt động của nhóm ngày càng phong phú. Hàng năm nhóm cũng sẽ kỷ niệm ngày người khuyết tật, trong ngày này nhóm cũng trích một phần quỹ hỗ trợ cho các em nhỏ bị khuyết tật sống trên địa bàn mua sách vở, quần áo...



Bức ảnh: Nhóm tự lực

Nhóm tự lực lần đầu tiên thành lập với tổng số 30 người hiện nay đã tăng lên gần 60 thành viên. Những hoạt động đầu tiên của nhóm chủ yếu là chia sẻ thông tin với người khuyết tật và là nơi người khuyết tật cùng nhau trao đổi. Tuy nhiên, chỉ đơn thuần là chia sẻ thông tin thì

chưa đảm bảo được các hoạt động của nhóm. Với tôn chỉ và mục đích giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống nhóm đã từng bước thay đổi và hướng tới hỗ trợ sản xuất nhằm nâng cao thu nhập cho các thành viên của nhóm. Nhóm đã tự họp và đề xuất lên dự án ý tưởng chăn nuôi gà. Dự án đã xem xét và hỗ trợ chăn nuôi cho nhóm với điều kiện cả hai bên cùng đóng góp để sản xuất. Các thành viên nhóm được lựa chọn và những thành viên này sẽ tự làm chuồng trại theo sự hướng dẫn kỹ thuật của dự án. Thông qua các buổi đào tạo về kỹ thuật làm chuồng trại các thành viên sẽ làm và giám sát lẫn nhau trong quá trình thực hiện. Kỹ thuật viên của dự án cũng hỗ trợ bằng cách tới kiểm tra, giám sát và hướng dẫn làm cho phù hợp với điều kiện của từng hộ gia đình. Bước đầu thí điểm nuôi ở 10 hộ gia đình và mỗi hộ gia đình được hỗ trợ 4,5 triệu đồng để nuôi 100 con gà. Trong thời gian nuôi do kỹ thuật được đảm bảo nên gà của các hộ nuôi rất tốt, chỉ trong vòng 45 ngày gà đã đạt trọng lượng trung bình 1,6kg. Tuy nhiên, những khó khăn trong đầu ra của thị trường đã hạn chế việc mở rộng sản xuất của các hộ gia đình. Nguyên nhân của thị trường do ảnh hưởng của các thông tin về H5N1 nên mức độ tiêu thụ gà đã giảm. Không chỉ có các yếu tố về thông tin dịch bệnh mà trong thời điểm đó giá cả gia súc, gia cầm trong nước cũng giảm sút làm ảnh hưởng tới vấn đề đầu ra của vật nuôi. Mặc dù có sự nỗ lực của nhân viên dự án hỗ trợ cho người dân trong kỹ thuật và tìm kiếm đầu ra nhưng mức độ tiêu thụ bị hạn chế đã ảnh hưởng tới lợi nhuận của hoạt động. Hầu hết số lượng gia cầm được hỗ trợ chỉ tiêu thụ được tại địa phương nên số lượng tiêu thụ không được nhiều, ảnh hưởng tới thu nhập.

#### \* Nâng cao năng lực cho cán bộ dự án

Để đảm bảo được các hoạt động của dự án được thông suốt và các hoạt động được thực hiện tốt cũng như nâng cao kỹ năng cho cán bộ thực hiện chương trình chúng tôi đã tiến hành đào tạo các khóa học cho nhân viên dự án nhằm giúp cho họ có được những kỹ năng không chỉ để hoàn thành công việc mà còn giúp cho nhân viên ngay cả khi dự án không còn hoạt động nữa vẫn có thể tự tìm kiếm một công việc mới để làm việc.

Những nhân viên của dự án là những người ở địa phương được mời tham gia và đào tạo họ trở thành những cán bộ công tác xã hội của dự án. Dự án đã tiến hành đào tạo các khóa tập huấn về hoạt động công tác xã hội cho các cán bộ để có thể đảm đương được các hoạt động tại cơ sở. Các nhân viên từng bước được tiếp xúc với những hoạt động của dự án, học lý thuyết và trực tiếp thực hành trên địa bàn của mình hoạt động. Mặc dù bước đầu còn đang ngỡ ngàng nhưng cùng với những phương pháp hướng dẫn cụ thể và được thực hành ngay tại chỗ đã giúp cho nhân viên có được những kỹ năng tốt về công tác xã hội trên địa bàn. Bên cạnh những đào tạo về công tác xã hội những nhân viên này còn được đào tạo về việc sử dụng máy vi tính. Sau khi khóa học kết thúc các nhân viên có thể sử dụng máy vi tính thành thạo trong các trình

microsoft office word và microsoft office excel. Thông qua những buổi học và thực hành ngay tại chỗ đã giúp cho nhân viên có được những kiến thức thực tế giúp ích cho công việc. Ngoài ra, dự án cũng đã đào tạo cho các nhân viên các khóa học về kỹ năng giao tiếp và thương lượng bởi các chuyên gia đến từ Cộng hòa Séc. Khóa học này nhằm giúp cho những nhân viên có được những kỹ năng giao tiếp tốt, những kỹ năng về hòa giải, giải quyết xung đột là một trong những điều kiện quan trọng để nhân viên công tác xã hội và các nhân viên khác có được những hiểu biết và kỹ năng áp dụng trong thực tế hoạt động cũng như trong cuộc sống. Thông qua những khóa đào tạo như vậy các nhân viên sẽ thấy được tính thực tế của vấn đề và những khó khăn khi tiếp xúc với những đối tượng sẽ được đem ra chia sẻ và cùng tìm cách tháo gỡ. Nhờ đó những kiến thức lý thuyết và thực hành cùng được các học viên nắm bắt và thực hiện tốt. Những tình huống gặp phải trước đây chưa biết cách xử trí thì nay các nhân viên đã xử lý dễ dàng những tình huống khó khăn xảy ra khi tiếp xúc với các trường hợp cũng như thực hiện tốt các can thiệp cho cộng đồng.



### 4.3.4 Đánh giá kết quả dự án

Trong thời gian 3 năm hoạt động của dự án, quãng thời gian không phải là dài cũng không ít và tập trung vào một xã nên những hoạt động của dự án cũng đã đạt được những kết quả bước đầu khả quan. Bên cạnh những kết quả thuận lợi thì cũng còn những tồn tại vướng mắc còn cần phải giải quyết khắc phục.

Đã hình thành được trung tâm sản xuất cho những người khuyết tật trên địa bàn xã thu hút bình quân là 12 lao động trên địa bàn trong đó tỷ lệ người khuyết tật làm việc trong cơ sở là trên 51%. Thu nhập của các công nhân trong cơ sở bình quân ổn định là 550 ngàn đồng/tháng, những người quản lý cơ sở bình quân là 700 ngàn đồng/tháng. Các hoạt động tại cơ sở đang được triển khai tích cực và không ngừng phát triển, ngoài việc triển khai trồng nấm sò thì còn sản xuất thêm nấm linh chi, hướng sắp tới của cơ sở có thể sản xuất thêm chổi đót và tăm tre. Nhà của cơ sở được sử dụng với mục đích hội họp, đào tạo trẻ học nghề, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ công nhân viên trong cơ sở cũng như người khuyết tật. Ngoài ra, đây cũng là nơi người khuyết tật có thể tìm tới để chia sẻ thông tin, học hỏi và trợ giúp về công tác xã hội.

+ Mục tiêu của nhà trồng nấm đó là:

-> Xây dựng cơ sở sản xuất lớn mạnh dựa trên sự nỗ lực của các thành viên trong nhóm khuyết tật, tận dụng tối đa nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài.

-> Nâng cao năng lực của từng thành viên trong cơ sở sản xuất, hỗ trợ và phát triển năng lực cho các thành viên khác trong nhóm tự lực.

-> Là một trung tâm hỗ trợ người khuyết tật và người nghèo hòa nhập xã hội, giúp đỡ thông tin về người khuyết tật.

-> Mang lại sự tăng trưởng về doanh thu cũng như lợi nhuận của cơ sở sản xuất một mặt mang lại thu nhập cho cán bộ công nhân viên, mặt khác đóng góp nhiều hơn cho ngân sách nhà nước.

-> Hỗ trợ cho lớp trẻ em khuyết tật do dự án thành lập tại trường mầm non Phong Mỹ.

+ Những tồn tại:

► Đối với cơ sở sản xuất:

v. Khi thực hiện hoạt động trồng nấm, các bên tham gia chưa kết hợp chặt chẽ với nhau gây nên những bất đồng trong quan điểm. Sự phối kết hợp không chặt chẽ đó là nguyên nhân của việc chậm trễ trong kế hoạch hoạt động của cơ sở. Các kế hoạch không ăn khớp với nhau và phải chỉnh sửa, thay đổi nhiều lần làm cho tiến độ bị đình trệ.



v. Do hoàn thành chậm trễ so với kế hoạch đề ra nên việc đào tạo nhân viên không đạt được theo dự kiến, một số những hoạt động sản xuất chưa thực hiện được cũng như xây dựng những quy chế hoạt động cho cơ sở chưa được ổn định. Chưa hoàn thành được mục tiêu đề ra là phát triển cơ sở sản xuất thành một cơ sở độc lập. Những nguyên nhân của việc chưa xây dựng tính độc lập cho cơ sở bởi vì sự hoạt động của ban quản lý dự án không đảm bảo cho những sản phẩm đầu ra. Những nhiệm vụ trao đổi thực hiện không đảm bảo dẫn đến sự kém hiệu quả. Thành viên của ban quản lý ôm đồm nhiều công việc kiêm nhiệm nên không tránh khỏi những sai sót trong quá trình hoạt động. Trong tương lai cơ sở nên rút thêm khoảng 40 hộ trồng nấm ở nhà và hợp tác với cơ sở nữa và thuê nhân viên thêm.

► Đối với lớp học trẻ em khuyết tật:

Trong quá trình thực hiện, những hoạt động tốt nhưng chưa đảm bảo được kế hoạch bền vững cho lớp học. Mặc dù dự án đã kí văn bản thỏa thuận hợp tác lâu dài cũng như đảm bảo lớp học của trẻ em trong thời gian 5 năm nhưng rõ ràng phía Việt Nam chưa tính đến khả năng tài chính của trường sau khi dự án rút đi. Mặc dù trường mầm non cũng đã quan tâm nhưng chưa nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ các cấp ban ngành ở địa phương để phát triển lớp học. Chính vì việc chưa quan tâm của các cấp chính quyền nên khi dự án rút đi đã để lại sự hụt hẫng không chỉ cho giáo viên giảng dạy mà ngay cả đối với phụ huynh và các em học sinh. Nhưng những người tham gia lớp học và công tác giảng dạy thì đang cố gắng giữ gìn những kết quả đã đạt được của dự án. Trong tương lai lớp nên nhập trẻ em khác mới tới ba bốn tuổi và gửi những trẻ em đã kết thúc khóa học sang nhà trồng nấm hoặc là học tiếp vào thành phố Huế để các em có thể tiếp tục được học nghề phù hợp với bản thân cũng như có khả năng tự nuôi sống bản thân.

► Đối với nhóm tự lực:

Khi dự án rút đi thì hoạt động của nhóm tự lực cũng chưa được đảm bảo. Trước đây khi còn dự án các hoạt động của nhóm tự lực được dự án hỗ trợ, những khóa đào tạo giúp cho người dân được hưởng ứng nhưng khi kết thúc dự án những hoạt động của nhóm đã bị mờ nhạt nguyên nhân do không đảm bảo được những hoạt động cụ thể cho nhóm. Khả năng của người quản lý nhóm thì cần cách đạo tạo và hỗ trợ lâu dài trước khi họ tự biết quản lý. Hai năm không đủ để đạo tạo họ vì cách đạo tạo đó không liên quan chỉ đến chuyên môn nhưng đến kỹ năng đời sống bình thường mà còn kém lắm, không có kinh nghiệm tiếp xúc với người khác mặc dù cao tuổi.

### 4.3.5 Kết luận

- Những hoạt động của dự án đã mang lại những kết quả khả quan đặc biệt là chăm sóc sức khỏe bước đầu cho người dân. Việc hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế cũng như nâng cao trình độ của đội ngũ y, bác sĩ của trạm y tế sẽ mang lại những kết quả thuận lợi cho người dân trong quá trình khám chữa bệnh. Với những trang thiết bị và kỹ thuật này sẽ giúp cho người dân có được chăm sóc sức khỏe bước đầu tốt hơn cũng như giảm được chi phí khi phải đi khám chữa bệnh ở nơi xa.
- Những trẻ em khuyết tật lần đầu tiên biết thế nào là đến trường học, các em đã được chăm sóc, dạy dỗ cũng như học hành những kiến thức phù hợp với điều kiện của các em. Các em được phục hồi chức năng khi đến với lớp học, được làm quen với các bạn trong lớp có hoàn cảnh tương tự mình. Ngoài việc học văn hóa các em còn được hướng dẫn những kỹ năng tự chăm sóc bản thân và tiếp xúc với người khác.
- Tạo được thu nhập ổn định cho một bộ phận nhỏ người khuyết tật và người dân địa phương thông qua cơ sở sản xuất. Cơ sở này cũng là nơi sẽ thực hiện những hỗ trợ cho người nghèo, người khuyết tật, người già neo đơn và những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng.
- Các hoạt động công tác xã hội đã mang lại kết quả bước đầu cho cộng đồng tuy nhiên cũng cần phải xem xét đến yếu tố bền vững của hoạt động này. Mặc dù công tác xã hội là một vấn đề cần thiết nhưng phải làm cho nó có ý nghĩa hơn với cộng đồng khi đó cho dù có hay không có dự án hoạt động này cũng sẽ được duy trì.
- Cần phải có sự trao đổi cách tiếp nhận sự giúp đỡ của dự án. Những cơ quan chính quyền mặc dù đã rất cố gắng nhưng các hoạt động kiêm nhiệm cũng như chuyên môn của các bên tham gia không đúng với những hoạt động nên đã gây ảnh hưởng tới tiến độ của các hoạt động cũng như xây dựng chương trình hoạt động của dự án. Đặc biệt, những dự án chỉ hoạt động tại địa bàn của một xã gặp phải rất nhiều khó khăn khi cơ quan đối tác cũng như cơ quan quản lý chính lại là UBND huyện nên vấn đề giải quyết những công việc còn đang lúng túng và chưa có nhiều tính thực tế. Nhưng tuy nhiên luật Việt Nam bắt buộc cơ quan tỉnh và huyện quản lý những dự án nước ngoài hoạt động tại xã.
- Những người sống tại địa phương thì cần sự giúp đỡ liên quan tới nhiều (tất cả) lĩnh vực đời sống. Nhiều đối tượng đã nói là trong khi tham gia dự án thì tiếng của họ được đề cao hơn bởi có người lắng nghe tiếng nói của họ, họ nhận được nhiều kinh nghiệm xã hội, những kết quả, những hoạt động giao lưu của dự án với người dân được đánh giá rất cao. Rõ ràng là đời sống của người dân tại địa phương bị hạn chế không chỉ vì kinh tế, nhưng do đặc điểm của người

dân cũng như văn hóa nông thôn nên việc tạo ra cơ hội cũng như tiếp xúc với những cơ hội rất hạn chế bởi nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân chính là sự thiếu tự tin ở bản thân.

- Các dự án quốc tế nhiều trường hợp chưa đánh giá được tổng quan của những sự khác biệt nói trên một cách toàn diện, đầy đủ và không xem xét hoàn cảnh thực tế của người dân địa phương cả về quan điểm lẫn phong tục, tập quán. Nếu những dự án không hoạt động để hiểu tâm lý đối tượng (nông dân) thì sẽ gặp khó khăn rất nhiều trong các hoạt động cũng như rất khó để đạt được những kết quả có lợi.

- Cách hợp tác của người dân tại xã rất tích cực và mặc dù khi bắt đầu gặp khó khăn lớn vì nhiều nguyên nhân nhưng cuối cùng họ cũng đã có thể hợp tác lâu dài với dự án mặc dù một số người hoạt động với những nội dung của hoạt động nhưng một số khác thì hoạt động để mong có được lợi ích. Trong những vùng nghèo nhiều người có một cách suy nghĩ đặc biệt - không nghĩ nên làm những công việc gì và đầu tư sức của mình để có thể kiếm được tiền, nhưng suy nghĩ lấy đâu ra vốn tiền mà không mất sức. Câu trước chỉ rằng người ta chưa có kinh nghiệm với thị trường, kinh tế, xã hội phát triển và chưa hiểu được để có tiền là phải làm việc và bỏ công sức của mình vào.

- Khi chuẩn bị những hoạt động đào tạo tại vùng miền núi và nghèo thì phải tập trung và ưu tiên phương pháp đào tạo “cầm tay chỉ việc” có nghĩa làm vừa làm với người dân và vừa hướng dẫn cho họ cách làm để đạt được kết quả đó. Vì những đối tượng có thể chăm chú lắng nghe nhưng sau đó là họ quên ngay những gì mình đã học.

- Cuối cùng chúng tôi cảm ơn tất cả mọi người và các tổ chức ở Séc và Việt Nam đã tham gia, cùng chia sẻ và nhận được nhiều kinh nghiệm mới và tham gia tạo cơ hội mới cho tương lai khoảng hơn 5000 người tại xã.

## 4.3.6 Danh sách kết quả

### 1. Quản lý dự án

#### 1.1 Chính thức và hành chính

- lập quản lý dự án tại CH Séc
- lập văn phòng tại Huế
- lập văn phòng được UBND xã Phong Mỹ hỗ trợ
- lập văn phòng tại nhà trồng nấm
- tỉnh Việt Nam duyệt dự án, chính phủ Việt nam đăng ký dự án
- căn cứ luật Việt Nam lập Ban quản lý dự án /BQLDA/
- BQLDA duyệt đề án nhà trồng nấm
- đăng ký mã số thuế tại VN
- lập nhóm tự lực và Ban quản lý nhóm tự lực
- lập Ban quản lý nhà trồng nấm
- BQLDA duyệt đề án nuôi gà
- thoả thuận với những đối tác
- đón tiếp phái đoàn và khách khác
- thực hiện phỏng vấn tuyển nhân viên: điều phối viên, cán bộ công tác xã hội, kế toán
- tổ chức những cuộc gặp gỡ, hội thoả v.v.
- thăm gia BQLDA
- làm việc với UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã, CA tỉnh, CA thành phố, Đại sứ quán CH Séc, Bộ kế hoạch và đầu tư VN
- ban giao tài sản dự án cho bên VN
- báo cáo và giới thiệu dự án
- in những giấy chứng minh đạo tạo

#### 1.2 Marketing

- sản xuất áo tay ngắn dự án
- sản xuất áo tay ngắn lớp học trẻ em
- in giấy giới thiệu
- in tờ rơi giới thiệu mục tiêu dự án
- in tờ rơi giới thiệu kết quả dự án
- in tờ rơi nhà trồng nấm
- chuẩn bị buổi triển lãm tại lớp học mầm non và lớp đặc biệt
- chuẩn bị hội thảo kết thúc dự án tại xã
- in tài liệu dự án /nghiên cứu về công tác xã hội, chương trình đạo tạo trẻ em, phân tích thực hiện nhà trồng nấm, báo cáo tóm tắt dự án, phương pháp dạy công tác xã hội/ bằng tiếng Anh, Việt và Séc

#### 1.3 Lĩnh vực hợp tác với những dự án khác

- tư vấn thực hiện nghiên cứu ảnh hưởng do chất độc da cam (cho Dekonta, a.s.)
- dịch một số tài liệu (cho Dekonta, a.s., DWW a ETC)
- tư vấn thực hiện dự án (cho ETC)
- tư vấn làm giấy phép lái VN (cho TĐH NN Praha)
- bắt đầu làm việc với Bộ kế hoạch và đầu tư về việc đăng ký những dự án Séc

## 2. Thực hiện mục tiêu dự án

### 2.1. Osvětová činnost

- ngày 12 tháng 4 năm 2008 – hội thảo tại Hà Nội – giới thiệu dự án
- web trang dự án: [www.jirkoc.cz/thuathienhue](http://www.jirkoc.cz/thuathienhue) /Séc và tóm tắt Việt/
- ngày 27 tháng 12 năm 2007 – giới thiệu dự án cho công cộng tại thủ đô Praha – Chợ Havelský trh
- bài về dự án <http://www.rozvojovka.cz/index.php?id=231&idArt=81>
- ngày 28 tháng 2 năm.2008, 8:00 giờ TV Huế chiếu thông tin về dự án
- ngày 5 tháng.3 năm.2008 dạy về dự án tại TĐH Palackého tại Olomouc
- ngày 26 tháng 3 năm 2008 TV Huế chiếu thông tin về Trường dạy nghề cho người khuyết tật và cũng nói về dự án
- ngày 12 tháng .6 năm.2008 – giới thiệu dự án cho tổ chức East meets West
- ngày 30 tháng 6 năm 2008 – giới thiệu dự án cho dự án Phát triển nông thông Phần Lan tại Việt Nam

- ngày 9 tháng 10 năm 2008 – phỏng vấn về dự án với nhà báo Thừa Thiên Huế
- ngày 11 tháng 9 năm 2009 – thời sự về nhà trồng nấm
- giới thiệu kết quả của dự án tại [www.rozvojovka.cz](http://www.rozvojovka.cz) v zǎří 09
- giới thiệu dự án và người quản lý dự án tại tập chí chuyên gia Công tác xã hội tại CH Séc
- ngày 21 tháng 10 năm 2009 – sinh viên TĐH Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đi thăm quan nhà trồng nấm
- viết bài về dự án tại Tuần Tin Mới tại CH Séc
- viết bài về dự án tại [www.klubhanoi.cz](http://www.klubhanoi.cz)
- ngày 19 tháng 11 năm 2009 – TV Huế chiếu về nhà trồng nấm
- ngày 26 tháng 11 năm 2009 – TV Huế chiếu về lớp học đặc biệt trẻ em khuyết tật của dự án

## 2.2 hoạt động nghiên cứu

- thực hiện 142 cuộc phỏng vấn với những đối tượng và 60 cuộc với những người chuyên gia
- báo cáo nội về nghiên cứu của dự án /Séc/
- thực hiện nghiên cứu và viết báo cáo về công tác xã hội tại Việt Nam năm 2007 /Anh/
- phân tích lập nhà trồng nấm /Việt, Séc, Anh/
- nghiên cứu sức khỏe của người dân xã
- danh sách người khuyết tật tại xã
- phân tích ứng dụng trang thiết bị trạm y tế xã
- bài lịch sử ngắn gọn của xã Phong Mỹ

## 2.3 Chăm sóc y tế

- thoả thuận với trạm y tế xã
- mua trang thiết bị trạm xã /262 triệu VND/
- nghiên cứu sức khỏe của người dân
- thực hiện hai điều tra sức khỏe tại xã
- tập huấn bác sĩ dùng máy siêu âm
- tập huấn hai cán bộ y tá về phục hồi chức năng
- điều trị khác - 146 người
- điều trị khác chuyên gia - 42 người
- 12 người đi mổ
- mua và sắp xếp giấy bảo hiểm cho 25 người
- 5 người được phục hồi chức năng
- mua chân giả cho 10 người
- mua xe lăn cho 3 người
- trạm xã nhận được giấy công nhận Trạm xã quốc gia

## 2.4 Công tác xã hội

- thực hiện 1273 can thiệp công tác xã hội /49 can thiệp một tháng/
- thực hiện 364 trường hợp công tác xã hội
- dự án đã có 314 đồ tượng cá nhân
- 330 cá nhân được ở trong danh sách người khuyết tật của xã mà trạm xã sử dụng
- trả tiền lương cho 2 cán bộ công tác xã hội (1 500 000 VND / người / tháng)
- đạo tạo cán bộ đó (2 ngày thăm quan những tổ chức xã hội tại Huế, 3 tháng thực tập tại Thủy Biểu – trường trẻ em khuyết tật, 8 ngày tập huấn công tác xã hội / lớp học quốc tế, 2 tháng thực tập tại xã, 6 ngày tập huấn về giao tiếp và cải thiện xung đột, 2 năm thực tập tại xã)
- thực tập cho 10 trẻ em đi học tại Huế
- dạy nghề cho 10 trẻ em tại Huế
- hướng dẫn người đi khám bệnh và vào bệnh viện
- hỗ trợ tiền nhỏ về việc đảm, ăn lễ, sinh con, đi lại v.v.
- sắp xếp đi khám
- chăm sóc trẻ em
- hướng dẫn làm giấy chứng minh nhân dân cho 3 người
- mua xe lăn
- mua chân giả
- mua bảo hiểm y tế
- làm lập danh sách người khuyết tật tại xã

## 2.5 Đạo tạo đặc biệt

- lập và mở lớp học đặc biệt cho trẻ em khuyết tật
- triển lãm những bức tranh của trẻ em
- đạo tạo giáo viên
- xây dựng nhà lớp, bếp, vệ sinh
- sáng tạo chương trình dạy trẻ em hai năm
- ký thoả thuận với trường mầm non và phong giáo dục và đạo tạo của huyện Phong Điền
- thuê một người nấu (500 000 VND / tháng)
- thuê trường lớp (1 600 000 VND / tháng)
- thuê giáo viên trợ lý (1 800 000 VND / tháng)
- thuê hiệu trưởng mầm non về việc đạo tạo đặc biệt (500 000 VND / tháng)
- in tài liệu về lớp

## 2.6 Đạo tạo công đồng

- tập huấn nuôi gà (4 ngày nhân 4 lớp cho 11 người)
- tập huấn quốc tế về công tác xã hội (8 ngày cho 87 người)
- dạy 6 người thanh niên làm nghề
- tập huấn trồng nấm /3 tháng cho 10 người/
- mở văn phòng tại nhà trồng nấm
- hội thảo kết thúc dự án

## 2.7 Đạo tạo chuyên gia

- thực tập và dạy hai giáo viên
- thực tập và dạy hai cán bộ công tác xã hội
- PC cho những nhân viên
- tập huấn quốc tế về công tác xã hội
- tập huấn giao tiếp và cải thiện xung đột (6 ngày cho 8 người)
- tập huấn bác sĩ – máy siêu âm
- tập huấn hai cán bộ y tá về phục hồi chứng năng
- thuê điều phối viên dự án (5 600 000 VND / tháng – một năm rưỡi)
- thuê điều phối viên dự án (6 000 000 VND / tháng – một năm rưỡi)
- in tài liệu về việc dạy về công tác xã hội

## 2.8 Nhà trồng nấm

- lập ban quản lý
- nhận và đăng ký đất xây dựng
- lập và được duyệt đề án
- lập hồ sơ kỹ thuật
- tổ chức và đánh giá đầu thầu
- xây dựng
- tuyển nhân viên
- bầu cử người giám đốc
- ban giáo tài sản cho hợp tác xã Tân Mỹ
- ký thoả thuận về việc thực hiện nhà trồng nấm
- thuê 12 người nhân viên

## 2.9 Nhóm tự lực của người khuyết tật

- lập nhóm tự lực (60 hội viên)
- lập ban quản lý nhóm
- đề án nuôi gà
- vay tiền vốn nuôi và mổ cho 11 hộ

## 2.10 Hợp tác với UBND xã

- mua trang thiết bị cho UBND xã
- hợp tác với cán bộ kao động, thương binh và xã hội của xã

## 2.11 Kết quả phi vật chất

- một số người đã thăm gia dự án thì cho rằng vì dự án thì họ bắt đầu suy nghĩ về việc giúp đỡ cho người khác gặp khó khăn
- họ đã thay đổi cách suy nghĩ về những người khuyết tật , không sợ họ nữa, cùng làm v.v.
- người khuyết tật nói là do dự án họ hoà nhập được vào cộng đồng
- những giáo viên đã nói họ không cảm thấy lạ khi làm việc với những con
- người dân xã đã thăm gia biểu diễn tại xã – lần đầu tiên trong đời – 150 người dân
- một số người đã nói đã được phát triển tiếng phổ thông của họ vì dự án
- thuê những người xây sân khấu và lớp học và nhà trồng nấm /khoảng 30 người/
- UBND xã và trạm xã bắt đầu quan tâm về những người khuyết tật nhiều hơn
- lần đầu tiên thì xã có lớp học trẻ em khuyết tật
- lần đầu tiên xã có nhà trồng nấm
- những đối tượng được đạo tạo
- những đối tượng được biết về cộng đồng nhiều
- một số người đã nói là biết được một cách làm việc cụ thể và hiệu quả

## 5 TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tham khảo

Văn kiện dự án “hòa nhập xã hội những người gặp khó khăn huyện Phong Điền, tỉnh TT Huế”  
Hiểu về quan niệm công tác xã hội, tạp chí khoa học và xã hội, tập 25 số 1, 2009.

Phát triển cộng đồng – lý luận và ứng dụng trong phát triển nông thôn, Trương Văn Tuyền,  
nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội – 2007.

Cẩm nang các phương pháp tiếp cận khuyến nông, George H. Axinn, nhà xuất bản nông  
nghiệp Hà Nội – 2005

Bộ công cụ PRA, Nguyễn Hồng Tín

Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia, Trần Thành Nam

Báo cáo kết quả nghiên cứu phân tích sinh kế có sự tham gia tại xã Vinh Hà, Huyện Phú  
Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Lâm Thị Thu Sửu.

### Tài liệu của dự án

- Nabídka projektu pro výběrové řízení realizované v roce 2006 veřejná zakázka, na realizaci projektu bilaterální rozvojové spolupráce „Sociální začleňování ohrožených skupin obyvatel - provincie Thua Thien Hue" ve Vietnamu v letech 2006 - 2009 realizovaná dle zákona č. 40/2004 Sb., o veřejných zakázkách, v platném znění, v rámci otevřeného zadávacího řízení, jehož oznámení bylo zveřejněno na Centrální adrese [www.centralniadresa.cz](http://www.centralniadresa.cz) pod ev. č. VZ 50023216 dne 30.06.2006. /Đề án của dự án/
- Nguyen Anh Tuan 2007: Social works and vocational services for PWD in Vietnam - Real situation in 2007 /Công tác xã hội tại Việt Nam - hoàn cảnh năm 2007/. Mgr. Jiří Kocourek - aplikovaná sociologie a projekt Sociální začleňování ohrožených skupin obyvatel v obci Phong My, Praha a Hue. 45 s.
- Nguyen Viet Cuong, Černík, J., Kocourek, J. 2008: Pěstírna hub pro postižené v obci Phong My, okresu Phong Dien. /Nhà trồng nấm tại xã Phong Mỹ/ Mgr. Jiří Kocourek - aplikovaná sociologie a projekt Sociální začleňování ohrožených skupin obyvatel v obci Phong My, Praha a Hue. 47 s.
- [www.jirkoc.cz](http://www.jirkoc.cz)
- [www.jirkoc.cz/thuathienhue](http://www.jirkoc.cz/thuathienhue)

### Các nguồn khác của dự án

Nghiên cứu tự thực hiện của dự án trong thời gian 2006 – 2007

- nói chuyện với các chuyên viên
- phỏng vấn những người khuyết tật
- nói chuyện với các đại diện của xã



- nói chuyện với ban lãnh đạo xã
- nghiên cứu thị trường
- phân tích tình hình của xã
- brainstorming – Động não
- phân tích nền nông nghiệp truyền thống
- phân tích tình hình xã hội và kinh tế trong xã
- so sách và nghiên cứu mở đầu (Ủy ban nhân dân, người dân xã Phong Mỹ)
- đoàn đại biểu của Việt Nam sang thăm Séc
- thống kê của Ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ
- thảo luận với : H. Stohrová, O. Kurzová, E. Kašparová, T. Šišková, V. Šula, J. Jilemická, M. Sebránek, Dekonta, Dr. Pavlíčková
- nghiên cứu mở đầu thực hiện tại địa bàn (Ngô Văn Trung – thành viên nhóm giải pháp, Đại Học Y Dược Huế) tại xã Phong Mỹ, 27.5.2006, hợp tác với người dân địa phương và với Ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ

## Tài liệu liên quan khác

- 2003: Administrativní atlas Vietnamu (Tập bản đồ hành chính). Vydavatelství map.
- Bộ lao động, thương binh và xã hội (2006), Đề án trợ giúp người tàn tật giai đoạn 2006 – 2010. Hà nội
- Bộ môn Phục hồi chức năng- Trường Đại học Y tế công cộng (2005), Quá trình tàn tật và chiến lược phòng ngừa, Bài giảng PHCN.
- Bộ Tài chính, công văn số 4892/2000/TC-TCT về việc giảm thuế giá trị gia tăng cho cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật.
- Bộ Y tế- Ủy ban Hà Lan- Việt Nam (2004), Nghiên cứu về hoạt động PHCNDVCD tại Việt Nam từ 1987- 2004, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.
- Cam nang thong tin cac dich v ucho nguoi khuyet tat Viet Nam 2006. IDEA. 413 tt.
- CRS (2004), Midtem evaluation report
- CRS (2005), Anual program report Černík, J.: studie proveditelnosti subprojektu „chráněná dílna“, 2007
- Dang Nghiem Van, Luu Hung - Chu Thai Son, 1993: Ethnic Minorities in Vietnam. The Gioi Publishers, Hanoi.
- Danh cho cac to chuc ho tro nguoi tan tat. Chuong trinh phat trien nong thon TT Hue (2006) 42 tt.
- Dunnigan, James F. and Albert A. Nofi. Dirty Little Secrets of the Vietnam War: Military Information You're Not Supposed to Gibbs, Lois Marie and the Citizens Clearing House for Hazardous Waste. Dying from Dioxin: A Citizen's Guide to Reclaiming Our Health and Rebuilding Democracy. Boston: South End Press, 1995.
- Giao duc dac biet cho hoc sinh cham phat trien tinh than. Christine Miles. 282 tt.
- Gough, Michael. Dioxin, Agent Orange: The Facts. New York: Plenum Press, 1986.
- Guidelines for good practice in providing services for people with disabilities. 23 tt.

- Hội chữ thập đỏ Tây ban Nha (2006), Cẩm nang thông tin các dịch vụ cho người khuyết tật Việt nam
- Huan Luyen tinh nguyen vien phat hien tre khuyet tat. (So Y Te TT Hue, BV dieu duong va PHCN. 57 tt.
- Huong dan phat hien cac di tat bam sinh pho bien (2009). Handicaped International – TDH Y DUoc Hue
- Cham soc tre em khuyet tat. 64 tt.
- Chính phủ, Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23/4/2004 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động là người tàn tật;
- Chuong trinh can thiep som OGCDC.
- Chuong trinh phuc hoi chuc nang tre bai nao. 79 tt.
- Iran Ngoc Them, 2004. Tim ve ban sac van hoa Viet Nam (Hledání vietnamské kulturní identity). NXB TH TP Ho Chi Minh.
- Manuál projektového cyklu zahraniční rozvojové spolupráce české republiky
- Materiály Hue Medical School, Hue University;
- Materiály Světové banky a UNDP.
- Matoušek, J.: Polyhalogenoibenzodioxiny a polyhalogenodibenzofurany – nejtoxičtější nízkomolekulární syntetické jedy. S. 127 – 145.
- Matoušek, O. 2003: Metody a řízení sociální práce. Portál: Praha. 380 s.
- Matoušek, O. 2001: Základy sociální práce. Portál: Praha. 309 s.
- Matsuda, Vu Duc Thao, and Amanda Piskac. "Recent Dioxin Contamination From Agent Orange in Residents of a Southern Vietnam City." Journal of Occupational Environmental Medicine, vol 43 no 5:435-443. May 2001.
- Minimální standardy vzdělávání v sociální práci ([www.asvsp.org/standardy.htm](http://www.asvsp.org/standardy.htm))
- Ministry of Health and Medical Committee Netherlands Vietnam (2005), Disability People's Organizations A way to Develop Community based Rehabilitation
- Morrison, William H. The Elephant and the Tiger: The Full Story of the Vietnam War. New York: Hippocrene Books, 1990.
- Nguyễn Xuân Nghiê (1997), Phát triển ngành phục hồi chức năng đến năm 2010, Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học - Hội Phục hồi chức năng Việt Nam, NXB Y học, Hà nội.
- Phap luat lao dong va nguoi tan tat (Luu hanh noi bo) NXB Y Hoc, 2004, Ha Noi. 42 tt.
- Phi su dung Quyen tu chu tai chinh vak ha nang tiep can cac dich vu xa hoi o Viet Nam. HN 2005. United Nations Viet Nam. 39 tt.
- Phuc hoi chuc nang dua vao cong dong. Nha xuất ban Y Hoc, Ha Noi (2007) 47 tt.
- Reduction and Growth Strategy – CPRGS);
- Sociology (Periodikum vietnamského Sociologického ústavu – Národního centra společenských věd)
- So Tay danh cho lanh dao cac NHIM tu luc. 43 tt.
- Tai lieu tap huan gia dinh tre bai nao. Hue. 1999. Du an phuc hoi chuc nang tre khuyet tat TP Hue do JICA tai tro. 40 tt.
- Tam ly. 32 tt.
- Thing tin nguoi khuyet tat can biet. TPHCM, 2007. Handicap International. 32 tt.

- Thủ tướng chính phủ, Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 về chính sách cứu trợ xã hội;
- Thủ tướng chính phủ, Nghị định số 168/2004/NĐ-CP ngày 20/9/2004 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 về chính sách cứu trợ xã hội;
- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 120/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2004 về một số chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị hậu quả do nhiễm chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam
- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 16/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 2 năm 2004 về việc trợ giúp đối với hộ gia đình có từ 02 người trở lên không tự phục vụ được do bị hậu quả chất độc hoá học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam;
- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 67/2004/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2004 về kế hoạch hành động giai đoạn 2004 – 2010 khắc phục hậu quả chất độc hoá học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam
- Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2004 về chính sách trợ giúp kinh phí cho gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi và trẻ em bị bỏ rơi;
- Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 01/2006/CT-TTg ngày 09 tháng 1 năm 2006 về việc đẩy mạnh thực hiện các chính sách trợ giúp người tàn tật trong tình hình phát triển kinh tế và xã hội hiện nay.
- Trần Trọng Hải, Trần Thị Thu Hà, Trần Văn Chương (2004), Nghiên cứu về hoạt động Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại Việt nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Bộ y tế.
- UNICEF, MOLISA (2004), Phân tích tình hình trẻ em khuyết tật ở Việt nam. Nhà xuất bản Lao động – xã hội, Hà nội
- USAID (2005), Vietnam Disability Situation Assessment and Program Review
- Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá XI (29/6/2005) và Chủ tịch nước (11/7/2005), Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng quy định người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học là đối tượng hưởng chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh.
- Ủy ban về các vấn đề xã hội, Quốc hội nước CHXHCN Việt nam (5/2006) , Báo cáo giám sát về việc thực hiện Pháp lệnh về người tàn tật,
- Văn phòng Chính phủ (5/2006), Báo cáo 7 năm triển khai thực hiện Pháp lệnh về người tàn tật
- Vietnam social sciences (Periodikum Národního centra společenských věd)
- WHO (2005), The UN Standard Rules on the Equalization of Opportunities for Persons with Disabilities
- Zahraniční rozvojová spolupráce České republiky. IIR – Ústav mezinárodních vztahů v Praze 2006.
- Zavádění standardů kvality sociálních služeb (Průvodce poskytovatele) MPSV ČR. 2002.

## 6 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Mgr. Jiří Kocourek - Applied Sociology**

Founder and head of the team Applied Sociology

Mgr. Jiří Kocourek, was born the 6th July 1977 in Prague in the Czech Republic. He studied MA in Sociology and Vietnamese Studies in Faculty of Philosophy, Charles University, Prague and six months at the National University in Hanoi, Vietnam. Study of Vietnamese studies (language, literature and history) finished with an exam and official certificate. He had attended different seminars for communications, conflict resolution, mediation, MBTI personality typology. In the year 2005 he became accredited mediator of the Association of Mediators of the Czech Republic. He is a member of Civic Association Sociopolis, Association of the Mediators Board, Klub Hanoi. He is able to speak Vietnamese, English, German and Czech.

Mgr. Jiří Kocourek started his career during studies as a part-time job employee of the Institute of Sociology of the Academy of Sciences in Prague - Department Economic Sociology, later the Socio-economics of Housing Team. After that he founded the team in the year 2000. Short time he also worked as member of management of the Institute for Information of the CR in Education as analytics. He is also mediator and facilitator.

Among his Applied Sociology projects belong:

- seminars, lectures on intercultural education, social topics, communication, applied sociology in different universities, state organizations, NNO, schools, libraries etc.
- educational website for elementary schools
- educational exhibitions for teachers and pupils
- different publications about Vietnam, Vietnamese community in the CR and social issues of the CR
- employment supporting projects
- research
- translations
- consulting in the field of sociology
- international social project development and realization etc.

Chosen publications:

- Kocourek, J. 2007: Vietnamci v ČR. [Vietnamese in the Czech Republic] IN: Sociologické studie [Sociological studies], 6, 10, SOÚ AV ČR, v.v.i.: Praha 2007. Str. 46 – 62.
- Kocourek, J., Pechová, E. (ed.) 2006: S vietnamskými dětmi na českých školách. [With the Vietnamese Children in the Czech Schools.] Praha: H&H + Klub Hanoi. 221 s.

- Kocourek, J. 2002: Poznáváme svět dětí z Vietnamu. [We Cognize World of Children from Vietnam.] Plzeň: Foto&Tisk Znamenany. 112 s.
- Kocourek, J. 2006: Văn hóa dân gian [Lidová kultura, Traditionary culture] str. 94 - 104 In: Pham Thanh Hung, 2006: Cộng Hoà Séc - đất nước - con người [Česká republika - země - lidé, Czech Republic - country - people]. Hanoi: Dai Hoc Quoc Gia Hanoi.
- Kocourek, J. 2006: Giáo dục - Đào tạo [Výchova a vzdělávání, Education] str. 141 - 160 In: Pham Thanh Hung, 2006: Cộng Hoà Séc - đất nước - con người [Česká republika - země - lidé, Czech Republic - country - people]. Hanoi: Dai Hoc Quoc Gia Hanoi.
- Kocourek, J. 2002: Cesta do říše Velkého chána.
- Kocourek, J. 1999: The ky 14 nguoi Sec da dat chan den Viet Nam (Ve 14. st. 14 vstoupil Čech do Vietnamu). [In the 14. century the Czech man entered to Vietnam.] In: Tuan Le, 18. s 3. (vietnamsky)

He is also interested in history and traditional culture issues, for such reason he made a guide in Prague and became a member of the Czech folkloric group Gaudeamus where he prepares programs. As voluntary he made assistant of teacher in a school for disabled children.

#### Team Applied Sociology

Firm was founded in the November 2000. It's mostly project activities is focused on several fields of applied sociology: fields of social and intercultural topics. The firm participates especially on projects realized by own stable team or external expert's teams. The stable team is presented on these web pages. The firm is skilled in the field of commercial or non-commercial, state, private or non-profit organization's projects.

Our team very often participates on innovatory projects where new, non-traditional solutions are developed. These solutions are based on detailed analysis, concrete situations and real practical connections. Team's applied research outputs and its theoretical skills use the team by its educational, consulting and assisting (supervisory) activities. Its outputs and experiences the team tries to structure and generalize into the form of middle theory.

Critical recommendations are possible when we indicate their necessity but we formulate and applied them regarding all participated and engaged subjects. We warrant anonymity, discretion, data back-up. We supply individual approach and searching solutions with a client team. We develop solutions which are used in the long term and practically.

In this time we are practicing in the following fields: applied sociological research, translations and interpretations, strategically consulting, effective conflict resolution (mediation and facilitation) and education.